

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025

Results

Event 101 Women 400 LC Meter Khi tai

KLQG: 3:07.19 # 12/2018		Tran T Truc Linh		Quan Doi		
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points	
1 Nguyen Thi, Hang	23	Da Nang	3:12.00	3:07.00#		
21.49	44.73 (23.24)	1:08.49 (23.76)	1:32.36 (23.87)			
1:55.37 (23.01)	2:18.94 (23.57)	2:42.47 (23.53)	3:07.00 (24.53)			
2 Nguyen Thi, Lan Vy	28	Da Nang	3:15.00	3:13.79		
r:+0.94 23.01	46.96 (23.95)	1:11.55 (24.59)	1:37.28 (25.73)			
2:02.49 (25.21)	2:28.47 (25.98)	2:52.41 (23.94)	3:13.79 (21.38)			
3 Thach Thi, Thao Suong	20	Quan Doi	3:15.00	3:16.89		
21.72	44.92 (23.20)	1:08.81 (23.89)	1:33.78 (24.97)			
1:59.90 (26.12)	2:25.88 (25.98)	2:52.18 (26.30)	3:16.89 (24.71)			
4 Ha Phuong, Anh	16	Hai Phong	3:20.00	3:31.27		
23.54	48.83 (25.29)	1:15.23 (26.40)	1:41.76 (26.53)			
2:08.28 (26.52)	2:36.12 (27.84)	3:04.00 (27.88)	3:31.27 (27.27)			
5 Phi Thi, Tuong Vi	15	Ha Noi	3:35.00	3:47.94		
r:+0.93 23.70	50.32 (26.62)	1:18.69 (28.37)	1:48.59 (29.90)			
2:18.68 (30.09)	2:49.10 (30.42)	3:19.27 (30.17)	3:47.94 (28.67)			
--- Trinh Thi, Ngoc Anh	16	Hung Yen	NT	DNF		
Swimmer did not finish						
24.08		1:21.09 ()				

Event 102 Men 400 LC Meter Khi tai

KLQG: 2:46.98 # 20/10/2023		Tu Tran Cong		DNG		
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points	
1 Tran Cong, Tu	22	Quan Doi	2:50.00	2:49.20		
r:+0.98 20.73	42.16 (21.43)	1:03.14 (20.98)	1:24.36 (21.22)			
1:44.86 (20.50)	2:06.02 (21.16)	2:27.35 (21.33)	2:49.20 (21.85)			
2 Nguyen Duy, Anh	22	Da Nang	2:55.00	2:53.65		
20.97	42.94 (21.97)	1:04.21 (21.27)	1:25.71 (21.50)			
1:47.14 (21.43)	2:09.55 (22.41)	2:31.99 (22.44)	2:53.65 (21.66)			
3 Dang Nguyen, Long Nhat	19	Da Nang	2:55.00	2:56.52		
21.74	44.07 (22.33)	1:06.33 (22.26)	1:29.33 (23.00)			
1:51.11 (21.78)	2:14.66 (23.55)	2:35.96 (21.30)	2:56.52 (20.56)			
4 Nguyen Tien, Dat	22	TP Ho Chi Minh	2:50.00	2:58.32		
20.51	42.49 (21.98)	1:04.12 (21.63)	1:26.58 (22.46)			
1:49.10 (22.52)	2:11.92 (22.82)	2:35.31 (23.39)	2:58.32 (23.01)			
5 Chau Hi, Lac	17	TP Ho Chi Minh	3:04.99	3:08.25		
21.51		1:07.94 ()				
1:55.27 ()		2:44.16 ()	3:08.25 (24.09)			
6 Mai Xuan, Anh	20	Quan Doi	2:55.00	3:09.48		
21.66	44.23 (22.57)	1:07.29 (23.06)	1:31.81 (24.52)			
1:55.80 (23.99)	2:20.62 (24.82)	2:45.59 (24.97)	3:09.48 (23.89)			
7 Vu Hai, Nam	18	Hai Phong	3:07.00	3:13.58		
21.79	44.95 (23.16)	1:07.94 (22.99)	1:32.06 (24.12)			
1:56.72 (24.66)	2:22.10 (25.38)	2:48.28 (26.18)	3:13.58 (25.30)			

Event 103 Women 100 LC Meter VHCV

KLQG: 40.09 # 05/12/2022		Thi Duyen Cao		THA		
Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points	
1 Tran Thi, Huyen Trang	25	Ha Noi	43.34	41.71		
r:+0.84 19.36	41.71 (22.35)					
2 Nguyen Thi, Hang	23	Da Nang	43.36	42.02		
r:+0.90 20.66	42.02 (21.36)					

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025

Results

Finals ... (Event 103 Women 100 LC Meter VHCV)

	Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
3	Le Thi, Nhung	16	Thanh Hoa	43.90	42.08	
	r:+0.89 20.57	42.08 (21.51)				
4	Pham Thi, Thu	24	Hai Phong	42.98	42.28	
	r:+0.89 20.00	42.28 (22.28)				
5	Dang Thi, Tam	14	Quang Ninh	42.62	42.40	
	r:+0.93 20.54	42.40 (21.86)				
6	Dang Thi, Vuong	19	Ha Noi	42.51	42.76	
	r:+0.91 20.28	42.76 (22.48)				
7	Nguyen Thi, Hong Nhung	16	Quan Doi	42.43	43.29	
	r:+0.88 20.17	43.29 (23.12)				
8	Tran Thi, Hoai Thuong	17	Dong Nai	44.17	44.30	
	20.98	44.30 (23.32)				

Event 103 Women 100 LC Meter VHCV

KLQG: 40.09 # 05/12/2022 Thi Duyen Cao				THA	
	Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time
Preliminaries					
1	Nguyen Thi, Hong Nhung	16	Quan Doi	44.00	42.43 q
	r:+0.91 19.86	42.43 (22.57)			
2	Dang Thi, Vuong	19	Ha Noi	41.00	42.51 q
	r:+0.95 20.18	42.51 (22.33)			
3	Dang Thi, Tam	14	Quang Ninh	41.00	42.62 q
	r:+0.92 20.55	42.62 (22.07)			
4	Pham Thi, Thu	24	Hai Phong	41.00	42.98 q
	r:+0.93 20.56	42.98 (22.42)			
5	Tran Thi, Huyen Trang	25	Ha Noi	41.00	43.34 q
	r:+0.87 21.09	43.34 (22.25)			
6	Nguyen Thi, Hang	23	Da Nang	41.50	43.36 q
	r:+0.88 21.42	43.36 (21.94)			
7	Le Thi, Nhung	16	Thanh Hoa	NT	43.90 q
	r:+0.86 21.43	43.90 (22.47)			
8	Tran Thi, Hoai Thuong	17	Dong Nai	43.00	44.17 q
	r:+0.95 21.40	44.17 (22.77)			
9	Nguyen Thi, Thuy Dung	19	Quang Ninh	42.10	44.61
	r:+0.88 21.64	44.61 (22.97)			
10	Phan Thi, Thuy Suong	17	Quang Tri	43.86	44.92
	r:+0.89 21.56	44.92 (23.36)			
11	Pham Thanh, Truc	15	TP Ho Chi Minh	43.50	45.50
	r:+0.89 21.33	45.50 (24.17)			
12	Tran Bao, An	15	TP Ho Chi Minh	44.00	46.44
	r:+0.87 22.54	46.44 (23.90)			
13	Vu Yen, Nhi	15	Hai Phong	44.00	47.97
	r:+0.85 23.45	47.97 (24.52)			
14	Luong Thi, Ngoc Anh	16	Ninh Binh	47.10	48.07
	r:+0.89 22.92	48.07 (25.15)			
15	Tran Thi, Yen Trang	15	Quang Tri	45.26	50.78
	r:+0.91 25.00	50.78 (25.78)			
16	Pham Thi, Ngoc Anh	13	Hung Yen	NT	51.59
	r:+0.93 25.09	51.59 (26.50)			
17	Nguyen Thi, Ha Linh	13	Nghe An	47.00	53.14
	r:+0.87 23.82	53.14 (29.32)			
18	Nguyen Thi, Lan Vy	28	Da Nang	41.70	1:04.37
	31.79	1:04.37 (32.58)			

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025**Results****Preliminaries ... (Event 103 Women 100 LC Meter VHCV)**

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time
--- Le Ngoc, Nuong	24	Thanh Hoa	NT	X45.00
r:+0.93 21.34	45.00 (23.66)			
--- Pham Nguyen, Ly Ly	13	Da Nang	NT	X45.25
r:+0.94 22.00	45.25 (23.25)			
--- Tran Thi, Thanh Thuy	13	Ninh Binh	NT	X46.57
r:+0.91 22.44	46.57 (24.13)			
--- Nguyen Thi, Thu	18	Quang Ninh	NT	X47.66
r:+0.97 22.20	47.66 (25.46)			
--- Dang Thi, Nhung	14	Quang Ninh	NT	X47.96
r:+0.92 23.44	47.96 (24.52)			
--- Duong Thuy, Hong	18	Quang Ninh	NT	X48.23
r:+0.95 23.11	48.23 (25.12)			
--- Nguyen Thi, Phuong	18	Quang Ninh	NT	X48.68
r:+0.97 23.20	48.68 (25.48)			
--- Linh Thi, Hoa	14	Quang Ninh	NT	X48.99
r:+0.97 23.53	48.99 (25.46)			
--- Trieu Thi, Uyen	15	Quang Ninh	NT	X49.01
r:+0.89 22.32	49.01 (26.69)			
--- Hoang Nguyen, Thao Nhi	18	Da Nang	NT	X49.17
r:+0.99 23.74	49.17 (25.43)			
--- Dang Thi, Quynh Nhu	14	Quang Ninh	NT	X50.33
r:+0.84 24.55	50.33 (25.78)			
--- Ha Thi, Bac	13	Thanh Hoa	NT	X50.58
r:+0.79 23.37	50.58 (27.21)			
--- Hoang Ha, Binh Minh	13	Quang Ninh	NT	X50.60
r:+0.85 24.30	50.60 (26.30)			
--- Trinh Tran, Khanh Linh	11	Ha Noi	NT	X52.80
r:+0.96 24.82	52.80 (27.98)			
--- Hoang Thi, Kim Ngan	11	Thanh Hoa	NT	X53.26
r:+0.89 25.25	53.26 (28.01)			
--- Mac Le, Hieu Dan	13	Quang Ninh	NT	X53.55
26.16	53.55 (27.39)			

Event 104 Men 100 LC Meter VHCV

KLQG: 34.42 # 10/2016			Nguyen Thanh Loc		TP Ho Chi Minh	
Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points	
Finals						
1	Nguyen Thanh, Loc r:+0.85 16.96	30 TP Ho Chi Minh	37.40	35.19		
2	Nguyen Trung, Kien r:+0.84 16.10	36 Ha Noi	38.51	35.71		
3	Nguyen Huy, Anh r:+0.84 17.25	18 Ha Noi	38.44	35.84		
4	Do Dinh, Toan r:+0.84 16.89	28 TP Ho Chi Minh	38.18	35.97		
5	Nguyen Duy, Anh r:+0.87 17.42	22 Da Nang	37.78	36.50		
6	Truong Minh, Quan r:+0.87 17.14	21 Quan Doi	38.48	37.16		
7	Pham Gia, Khiem r:+0.86 17.65	20 Ninh Binh	38.27	37.32		
8	Vu Sinh, Hung r:+0.94 17.93	17 Da Nang	37.60	37.64		

GIAI LAN VO ĐỊCH QUỐC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025

Results

Event 104 Men 100 LC Meter VHCV

KLQG: 34.42 # 10/2016		Nguyen Thanh Loc		TP Ho Chi Minh	
Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
Preliminaries					
1 Nguyen Thanh, Loc	30	TP Ho Chi Minh	34.50	37.40	q
r:+0.94 17.86	37.40 (19.54)				
2 Vu Sinh, Hung	17	Da Nang	37.00	37.60	q
r:+0.80 31.34	37.60 (6.26)				
3 Nguyen Duy, Anh	22	Da Nang	36.40	37.78	q
r:+0.89 17.95	37.78 (19.83)				
4 Do Dinh, Toan	28	TP Ho Chi Minh	35.20	38.18	q
r:+0.83 17.64	38.18 (20.54)				
5 Pham Gia, Khiem	20	Ninh Binh	39.50	38.27	q
r:+0.82 18.29	38.27 (19.98)				
6 Nguyen Huy, Anh	18	Ha Noi	36.50	38.44	q
r:+0.81 18.74	38.44 (19.70)				
7 Truong Minh, Quan	21	Quan Doi	37.00	38.48	q
r:+0.99 18.74	38.48 (19.74)				
8 Nguyen Trung, Kien	36	Ha Noi	35.50	38.51	q
r:+0.69 28.51	38.51 (10.00)				
9 Vo Vi, Tuong	17	Quan Doi	38.00	39.11	
r:+0.71 29.58	39.11 (9.53)				
10 Le Khuong, Duy	17	Thanh Hoa	NT	39.57	
r:+0.67 28.74	39.57 (10.83)				
11 Nguyen The, Duong	16	Dong Nai	37.50	40.23	
r:+0.92 18.75	40.23 (21.48)				
12 Ngo Quang, Hieu	17	Hai Phong	41.00	40.68	
r:+0.91 19.88	40.68 (20.80)				
13 Nguyen Hai, Nam	17	Quang Ninh	41.11	41.33	
r:+0.72 31.25	41.33 (10.08)				
14 Do Anh, Dung	17	Dong Nai	38.00	41.80	
r:+0.94 19.97	41.80 (21.83)				
15 Cao Van, Manh	16	Thanh Hoa	NT	43.26	
r:+0.86 20.86	43.26 (22.40)				
16 Nguyen Thanh, Toan	14	Hai Phong	40.00	45.42	
r:+0.60 32.30	45.42 (13.12)				
17 Pham Nhat, Anh	17	Ninh Binh	40.30	46.47	
r:+0.96 19.98	46.47 (26.49)				
--- Nguyen Khang, Dung	18	TP Ho Chi Minh	NT	X38.46	
r:+0.73 29.35	38.46 (9.11)				
--- Van Tien, Huy	17	Ha Noi	NT	X38.85	
r:+0.83 18.56	38.85 (20.29)				
--- Toun, Titsatya	21	Cambodia	NT	X39.67	
r:+0.89 19.16	39.67 (20.51)				
--- Hoang Dinh, Gia Bao	13	Quan Doi	NT	X42.75	
r:+0.95 20.17	42.75 (22.58)				
--- Cao Ngoc, Sang	15	Thanh Hoa	NT	X45.69	
r:+0.89 22.31	45.69 (23.38)				
--- Tran Van, Dai	13	Ninh Binh	NT	X45.86	
r:+0.58 22.27	45.86 (23.59)				
--- Lo Minh, Thanh	13	Thanh Hoa	NT	X47.81	
r:+0.87 22.71	47.81 (25.10)				
--- Pham Minh, Toan	15	Quan Doi	NT	X51.42	
24.48	51.42 (26.94)				

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025

Results

Preliminaries ... (Event 104 Men 100 LC Meter VHCV)

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time
--- Mai Nguyen, Huu Loc	15	Hai Phong	NT	X56.06
r:+0.81 26.29	56.06 (29.77)			

Event 105 Women 100 LC Meter CVD

KLQG: 48.68 # 12/2018 Cao Thi Duyen				Thanh Hoa	
Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
Finals					
1 Le Thi, Thanh Tuyen	16	Dong Nai	51.85	49.84	
r:+0.82 23.55	49.84 (26.29)				
2 Le Thi, Thanh Van	21	Hai Phong	52.15	50.36	
r:+0.89 24.30	50.36 (26.06)				
3 Pham Thi, Thu	24	Hai Phong	51.62	50.50	
r:+0.89 24.78	50.50 (25.72)				
4 Cao Thi, Duyen	24	Thanh Hoa	53.06	50.66	
r:+0.83 24.53	50.66 (26.13)				
5 Do Nguyen Thuy, Linh	16	Cong An Nhan Dan	52.76	50.91	
r:+0.82 24.75	50.91 (26.16)				
6 Nguyen Anh, Thu	15	Ninh Binh	50.95	51.04	
r:+0.86 24.62	51.04 (26.42)				
7 Thach Thi, Diem My	18	Dong Nai	52.72	51.32	
r:+0.85 24.85	51.32 (26.47)				
8 Nguyen Thi, Minh Ha	16	Quan Doi	53.47	54.45	
r:+0.86 26.78	54.45 (27.67)				

Event 105 Women 100 LC Meter CVD

KLQG: 48.68 # 12/2018 Cao Thi Duyen				Thanh Hoa	
Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
Preliminaries					
1 Nguyen Anh, Thu	15	Ninh Binh	50.40	50.95	q
r:+0.87 24.96	50.95 (25.99)				
2 Pham Thi, Thu	24	Hai Phong	50.50	51.62	q
r:+0.90 25.33	51.62 (26.29)				
3 Le Thi, Thanh Tuyen	16	Dong Nai	49.00	51.85	q
r:+0.84 24.96	51.85 (26.89)				
4 Le Thi, Thanh Van	21	Hai Phong	50.50	52.15	q
r:+0.94 25.32	52.15 (26.83)				
5 Thach Thi, Diem My	18	Dong Nai	48.50	52.72	q
r:+0.88 26.31	52.72 (26.41)				
6 Do Nguyen Thuy, Linh	16	Cong An Nhan Dan	50.00	52.76	q
r:+0.83 26.07	52.76 (26.69)				
7 Cao Thi, Duyen	24	Thanh Hoa	48.60	53.06	q
r:+0.89 25.51	53.06 (27.55)				
8 Nguyen Thi, Minh Ha	16	Quan Doi	52.00	53.47	q
r:+0.80 26.63	53.47 (26.84)				
9 Pham Chau, Hai Anh	14	Cong An Nhan Dan	53.00	53.87	
r:+0.85 26.04	53.87 (27.83)				
10 Nguyen Thanh, Tra	16	Phu Tho	51.00	54.22	
r:+0.88 26.41	54.22 (27.81)				
11 Vu Luu, Bao Ngoc	15	Thanh Hoa	NT	54.50	
r:+0.86 26.01	54.50 (28.49)				
12 Tran Phuong, Minh	24	Ha Noi	52.50	54.83	
r:+0.81 26.41	54.83 (28.42)				

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025

Results

Preliminaries ... (Event 105 Women 100 LC Meter CVD)

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time
13 Truong Thi, Thuy Le r:+0.79 26.34	18	Ninh Binh	51.50	55.57
14 Dang Thi, Nhung r:+0.88 28.03	14	Quang Ninh	NT	56.19
15 Le Ngoc, Tuong Vi 28.01	14	Ninh Binh	NT	57.49
16 Pham Thi, Ngoc Anh r:+0.91 28.57	13	Hung Yen	54.00	57.59
17 Luong Thao, Nguyen r:+0.95 29.15	13	Hung Yen	NT	1:00.86
18 Nguyen Thi, Hong Nhung r:+0.78 31.02	16	Quan Doi	52.00	1:03.53
--- Kaing, Muynin r:+0.85 24.88	19	Cambodia	NT	X51.34
--- Do Thi, Tuyet Mai r:+0.85 24.77	18	Hai Phong	NT	X52.58
--- Hoang Thi, Kieu Mai r:+0.86 26.04	17	Hai Phong	NT	X54.13
--- Luu Thi, Duong r:+0.97 26.95	12	Ninh Binh	NT	X54.63
--- Le Bao, Thy r:+0.78 27.12	16	Ninh Binh	NT	X55.38
--- Tran Thi, Thanh Thuy r:+0.82 27.04	13	Ninh Binh	NT	X55.45
--- Hoang Thi, Kim Ngan r:+0.99 28.11	11	Thanh Hoa	NT	X58.13

Event 106 Men 100 LC Meter CVD

KLQG: 43.09 # 10/2017			Ngo Phuc Sang		TP Ho Chi Minh	
Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points	
Finals						
1 Vu Dang, Nhat Nam r:+0.85 21.85	21	Dong Nai	45.87	43.91		
2 Nguyen Le, Truyen Dat r:+0.81 21.83	19	Dong Nai	45.35	44.55		
3 Vo Dinh, Phi r:+0.83 21.39	20	Hai Phong	46.68	44.67		
4 Nguyen Van, Thanh r:+0.88 22.02	19	Ninh Binh	47.47	45.91		
5 Le Van, Chieu r:+0.79 21.84	16	Da Nang	46.76	46.28		
6 Ngo Minh, Chien r:+0.80 22.84	18	Quang Tri	47.13	46.50		
7 Dang Gia, Huan r:+0.85 22.42	19	TP Ho Chi Minh	46.93	46.58		
8 Le Trung, Hieu r:+0.87 25.34	21	Hai Phong	46.85	54.03		

Event 106 Men 100 LC Meter CVD

KLQG: 43.09 # 10/2017			Ngo Phuc Sang		TP Ho Chi Minh	
Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time		
Preliminaries						
1 Nguyen Le, Truyen Dat	19	Dong Nai	43.50	45.35	q	
r:+0.85 22.20	45.35 (23.15)					

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025**Results****Preliminaries ... (Event 106 Men 100 LC Meter CVD)**

	Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
2	Vu Dang, Nhat Nam	21	Dong Nai	42.30	45.87	q
	r:+0.90 22.39	45.87 (23.48)				
3	Vo Dinh, Phi	20	Hai Phong	43.50	46.68	q
	r:+0.83 22.61	46.68 (24.07)				
4	Le Van, Chieu	16	Da Nang	48.20	46.76	q
	r:+0.78 22.66	46.76 (24.10)				
5	Le Trung, Hieu	21	Hai Phong	43.50	46.85	q
	r:+0.89 22.43	46.85 (24.42)				
6	Dang Gia, Huan	19	TP Ho Chi Minh	45.90	46.93	q
	r:+0.86 23.02	46.93 (23.91)				
7	Ngo Minh, Chien	18	Quang Tri	46.00	47.13	q
	r:+0.80 23.01	47.13 (24.12)				
8	Nguyen Van, Thanh	19	Ninh Binh	43.50	47.47	q
	r:+0.83 23.02	47.47 (24.45)				
9	Ngo Dinh, Chuyen	24	Quang Ninh	45.60	47.56	
	r:+0.86 23.20	47.56 (24.36)				
10	Do Thanh, Thao	22	Quan Doi	44.00	47.61	
	r:+0.80 23.14	47.61 (24.47)				
11	Pham Nhat, Anh	17	Ninh Binh	46.10	47.63	
	r:+0.77 22.58	47.63 (25.05)				
12	Trinh Tien, Dat	15	Phu Tho	44.20	49.05	
	r:+0.81 23.28	49.05 (25.77)				
13	Tran Duy, Khanh	13	Hung Yen	48.50	49.18	
	r:+0.84 23.35	49.18 (25.83)				
14	Nguyen Thanh, Tung	17	Quan Doi	43.00	49.67	
	r:+0.79 22.86	49.67 (26.81)				
15	Tran Hoang, Anh	13	Quang Tri	49.32	50.11	
	r:+0.83 24.16	50.11 (25.95)				
16	Dang Trong, Minh	19	Thanh Hoa	NT	50.16	
	r:+0.76 24.51	50.16 (25.65)				
17	Ngo Tri, Tam	14	Nghe An	48.00	51.29	
	r:+0.81 24.11	51.29 (27.18)				
18	Le Xuan, Loc	14	Hung Yen	NT	54.33	
	r:+0.81 25.94	54.33 (28.39)				
19	Le Nam, Sang	12	Thanh Hoa	NT	55.67	
	r:+0.77 25.59	55.67 (30.08)				
---	Nguyen Thanh, Chanh	19	Dong Nai	NT	X46.38	
	r:+0.79 22.30	46.38 (24.08)				
---	Pham Thanh, Nam	16	Dong Nai	NT	X46.68	
	r:+0.80 22.22	46.68 (24.46)				
---	Vu Ngoc, Diep	17	Hai Phong	NT	X47.03	
	r:+0.89 22.67	47.03 (24.36)				
---	Nguyen Nam, Khanh	17	Hai Phong	NT	X47.06	
	r:+0.85 22.56	47.06 (24.50)				
---	Tran Van, Dai	13	Ninh Binh	NT	X48.87	
	r:+0.87 24.18	48.87 (24.69)				
---	Nguyen Thanh, Toan	14	Hai Phong	NT	X51.09	
	r:+0.78 24.92	51.09 (26.17)				
---	Nguyen Xuan, Quyet	14	Hai Phong	NT	X52.28	
	r:+0.90 24.83	52.28 (27.45)				
---	Nguyen Duc, Tien	17	Hai Phong	NT	X58.82	
	28.36	58.82 (30.46)				

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025

Results

Event 107 Women 400 LC Meter VHCV

KLQG: 3:19.80 # 12/2018		Luu Thi Thanh Thu		Ha Noi	
Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
Finals					
1	Nguyen Tu, Anh	18	Nghe An	3:38.05	3:24.65
	r:+0.87 23.29	49.06 (25.77)	1:15.28 (26.22)	1:41.75 (26.47)	
	2:08.22 (26.47)	2:35.08 (26.86)	3:00.38 (25.30)	3:24.65 (24.27)	
2	Pham Thi, Hong Diep	21	Hung Yen	3:45.53	3:31.77
	r:+0.92 24.22	49.88 (25.66)	1:16.87 (26.99)	1:43.60 (26.73)	
	2:10.24 (26.64)	2:38.14 (27.90)	3:05.83 (27.69)	3:31.77 (25.94)	
3	Nguyen Thanh, Thuy	16	Quang Ninh	3:38.12	3:31.85
	r:+0.91 24.93	51.46 (26.53)	1:16.87 (25.41)	1:43.53 (26.66)	
	2:10.55 (27.02)	2:38.33 (27.78)	3:05.31 (26.98)	3:31.85 (26.54)	
4	Nguyen Nhat, Le Nguyen	20	Da Nang	3:44.73	3:39.82
	r:+0.99 24.63	51.09 (26.46)	1:16.93 (25.84)	1:44.52 (27.59)	
	2:13.18 (28.66)	2:42.39 (29.21)	3:11.57 (29.18)	3:39.82 (28.25)	
5	Pham Thi, Kim Thuong	24	Ha Noi	3:47.72	3:44.25
	r:+0.95 25.41	53.28 (27.87)	1:21.74 (28.46)	1:50.74 (29.00)	
	2:19.30 (28.56)	2:47.83 (28.53)	3:16.34 (28.51)	3:44.25 (27.91)	
6	Ngo Thi, Van Anh	13	Cong An Nhan Dan	3:53.50	3:49.47
	r:+0.84 26.83	55.15 (28.32)	1:23.89 (28.74)	1:52.91 (29.02)	
	2:22.34 (29.43)	2:52.31 (29.97)	3:22.12 (29.81)	3:49.47 (27.35)	
7	Nguyen Thi, Hang Nga	13	Quang Tri	3:41.42	4:11.44
	r:+0.92 28.45	58.83 (30.38)	1:30.52 (31.69)	2:02.52 (32.00)	
	2:34.59 (32.07)	3:06.77 (32.18)	3:39.28 (32.51)	4:11.44 (32.16)	
8	Nguyen Thi, Thanh Thi	16	Quang Ninh	3:52.42	4:37.93
	r:+0.85 30.56	1:05.61 (35.05)	1:41.57 (35.96)	2:17.05 (35.48)	
	2:52.61 (35.56)	3:28.06 (35.45)	4:02.95 (34.89)	4:37.93 (34.98)	

Event 107 Women 400 LC Meter VHCV

KLQG: 3:19.80 # 12/2018		Luu Thi Thanh Thu		Ha Noi	
Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
Preliminaries					
1	Nguyen Tu, Anh	18	Nghe An	3:22.00	3:38.05 q
	r:+0.89 24.50	51.86 (27.36)	1:19.73 (27.87)	1:48.36 (28.63)	
	2:16.49 (28.13)	2:44.39 (27.90)	3:11.63 (27.24)	3:38.05 (26.42)	
2	Nguyen Thanh, Thuy	16	Quang Ninh	NT	3:38.12 q
	25.11	51.80 (26.69)	1:20.02 (28.22)	1:47.76 (27.74)	
	2:15.97 (28.21)	2:43.95 (27.98)	3:11.93 (27.98)	3:38.12 (26.19)	
3	Nguyen Thi, Hang Nga	13	Quang Tri	3:46.25	3:41.42 q
	r:+0.97 24.59	52.05 (27.46)	1:19.92 (27.87)	1:48.49 (28.57)	
	2:16.76 (28.27)	2:45.56 (28.80)	3:14.19 (28.63)	3:41.42 (27.23)	
4	Nguyen Nhat, Le Nguyen	20	Da Nang	3:33.00	3:44.73 q
	25.14	52.53 (27.39)	1:20.22 (27.69)	1:49.38 (29.16)	
	2:18.63 (29.25)	2:48.38 (29.75)	3:16.72 (28.34)	3:44.73 (28.01)	
5	Pham Thi, Hong Diep	21	Hung Yen	3:24.00	3:45.53 q
	r:+0.98 26.60	54.74 (28.14)	1:22.54 (27.80)	1:51.86 (29.32)	
	2:20.78 (28.92)	2:49.10 (28.32)	3:17.68 (28.58)	3:45.53 (27.85)	
6	Pham Thi, Kim Thuong	24	Ha Noi	3:25.00	3:47.72 q
	r:+0.95 25.65	53.84 (28.19)	1:22.47 (28.63)	1:51.68 (29.21)	
	2:20.80 (29.12)	2:49.80 (29.00)	3:19.15 (29.35)	3:47.72 (28.57)	
7	Nguyen Thi, Thanh Thi	16	Quang Ninh	3:25.00	3:52.42 q
	r:+0.86 27.45	55.45 (28.00)	1:23.30 (27.85)	1:52.98 (29.68)	
	2:22.62 (29.64)	2:52.65 (30.03)	3:22.81 (30.16)	3:52.42 (29.61)	

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025

Results

Preliminaries ... (Event 107 Women 400 LC Meter VHCV)

	Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time
8	Ngo Thi, Van Anh	13	Cong An Nhan Dan	3:46.00	3:53.50 q
	r:+0.84 25.51	54.96 (29.45)	1:24.65 (29.69)	1:54.54 (29.89)	
	2:24.22 (29.68)	2:54.85 (30.63)	3:25.99 (31.14)	3:53.50 (27.51)	
9	Hoang Nguyen, Thao Nhi	18	Da Nang	3:30.00	3:56.57
	25.66	54.05 (28.39)	1:23.46 (29.41)	1:53.91 (30.45)	
	2:24.43 (30.52)	2:55.65 (31.22)	3:26.29 (30.64)	3:56.57 (30.28)	
10	Trieu Yen, Nhi	15	Cong An Nhan Dan	3:48.00	3:56.97
	r:+0.86 26.24	55.57 (29.33)	1:25.74 (30.17)	1:56.16 (30.42)	
	2:26.40 (30.24)	2:57.27 (30.87)	3:27.48 (30.21)	3:56.97 (29.49)	
11	Tran Thi, Yen Trang	15	Quang Tri	3:39.89	4:04.53
	r:+0.89 28.47	58.68 (30.21)	1:29.95 (31.27)	2:01.45 (31.50)	
	2:32.78 (31.33)	3:03.84 (31.06)	3:34.91 (31.07)	4:04.53 (29.62)	
12	Vu Yen, Nhi	15	Hai Phong	4:00.00	4:07.46
	r:+0.91 28.77	1:00.04 (31.27)	1:31.90 (31.86)	2:03.88 (31.98)	
	2:35.97 (32.09)	3:08.54 (32.57)	3:40.13 (31.59)	4:07.46 (27.33)	
13	Trinh Thi, Ngoc Anh	16	Hung Yen	NT	4:16.17
	r:+0.94 29.73	1:02.19 (32.46)	1:33.90 (31.71)	2:05.73 (31.83)	
	2:37.39 (31.66)	3:09.52 (32.13)	3:40.92 (31.40)	4:16.17 (35.25)	
14	Trinh Tran, Khanh Linh	11	Ha Noi	4:30.00	4:27.94
	r:+0.92 27.39	59.13 (31.74)	1:34.10 (34.97)	2:09.84 (35.74)	
	2:45.36 (35.52)	3:20.96 (35.60)	3:55.61 (34.65)	4:27.94 (32.33)	
---	Nguyen Thi, Phuong	18	Quang Ninh	NT	X3:47.12
	26.80	55.49 (28.69)	1:24.05 (28.56)	1:52.73 (28.68)	
	2:21.23 (28.50)	2:50.09 (28.86)	3:18.72 (28.63)	3:47.12 (28.40)	
---	Dang Thi, Nhung	14	Quang Ninh	NT	X3:49.70
	r:+0.97 27.13	55.42 (28.29)	1:24.33 (28.91)	1:53.39 (29.06)	
	2:22.80 (29.41)	2:52.44 (29.64)	3:21.76 (29.32)	3:49.70 (27.94)	
---	Linh Thi, Hoa	14	Quang Ninh	NT	X3:52.35
	r:+0.97 26.21	54.41 (28.20)	1:24.10 (29.69)	1:54.52 (30.42)	
	2:23.28 (28.76)	2:53.98 (30.70)	3:24.26 (30.28)	3:52.35 (28.09)	
---	Dang Thi, Quynh Nhu	14	Quang Ninh	NT	X3:59.58
	r:+0.90 27.79	56.18 (28.39)	1:24.79 (28.61)	1:54.27 (29.48)	
	2:24.98 (30.71)	2:57.37 (32.39)	3:30.18 (32.81)	3:59.58 (29.40)	
---	Hoang Ha, Binh Minh	13	Quang Ninh	NT	X4:00.14
	r:+0.88 27.23	57.01 (29.78)	1:28.11 (31.10)	1:59.71 (31.60)	
	2:30.17 (30.46)	3:00.83 (30.66)	3:30.90 (30.07)	4:00.14 (29.24)	
---	Mac Le, Hieu Dan	13	Quang Ninh	NT	X4:13.38
	r:+0.95 29.07	1:00.06 (30.99)	1:32.64 (32.58)	2:06.73 (34.09)	
	2:40.79 (34.06)	3:11.95 (31.16)	3:43.09 (31.14)	4:13.38 (30.29)	
---	Pham Nguyen, Ly Ly	13	Da Nang	NT	XDQ
	Swam under water more than 15 meters after start or turn				
	r:+0.92 26.27	54.89 (28.62)	1:22.94 (28.05)	1:51.54 (28.60)	
	2:19.51 (27.97)	2:47.97 (28.46)	3:15.49 (27.52)	DQ (26.18)	

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025

Results

Event 108 Men 1500 LC Meter VHCV

KLQG: 12:45.56 # 10/2020		Luu Nguyen Duc Tam		TP Ho Chi Minh	
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Nguyen Trong, Dung	22	Nghe An	12:58.00	12:55.88	
23.88	48.73 (24.85)	1:13.81 (25.08)	1:39.42 (25.61)		
2:04.91 (25.49)	2:30.97 (26.06)	2:56.84 (25.87)	3:22.48 (25.64)		
3:48.19 (25.71)	4:14.33 (26.14)	4:40.04 (25.71)	5:06.08 (26.04)		
5:32.33 (26.25)	5:58.36 (26.03)	6:23.68 (25.32)	6:49.98 (26.30)		
7:15.69 (25.71)	7:42.54 (26.85)	8:08.78 (26.24)	8:35.16 (26.38)		
9:01.00 (25.84)	9:26.96 (25.96)	9:53.46 (26.50)	10:20.58 (27.12)		
10:46.42 (25.84)	11:13.05 (26.63)	11:39.26 (26.21)	12:05.80 (26.54)		
12:31.14 (25.34)	12:55.88 (24.74)				
2 Huynh Quoc, Bao	17	TP Ho Chi Minh	12:50.00	13:08.84	
r:+0.96 23.98	48.77 (24.79)	1:13.50 (24.73)	1:39.52 (26.02)		
2:04.48 (24.96)	2:30.59 (26.11)	2:56.41 (25.82)	3:22.44 (26.03)		
3:48.19 (25.75)	4:14.48 (26.29)	4:40.10 (25.62)	5:06.26 (26.16)		
5:32.21 (25.95)	5:58.59 (26.38)	6:24.15 (25.56)	6:50.35 (26.20)		
7:16.23 (25.88)	7:42.75 (26.52)	8:09.68 (26.93)	8:36.69 (27.01)		
9:03.84 (27.15)	9:31.02 (27.18)	9:58.09 (27.07)	10:25.53 (27.44)		
10:52.65 (27.12)	11:19.92 (27.27)	11:47.16 (27.24)	12:14.77 (27.61)		
12:42.38 (27.61)	13:08.84 (26.46)				
3 Luu Nguyen, Duc Tam	28	TP Ho Chi Minh	12:45.00	13:12.71	
r:+0.94 23.72	48.53 (24.81)	1:13.70 (25.17)	1:39.10 (25.40)		
2:04.52 (25.42)	2:30.50 (25.98)	2:56.27 (25.77)	3:22.26 (25.99)		
3:48.29 (26.03)	4:14.30 (26.01)	4:40.10 (25.80)	5:06.13 (26.03)		
5:32.06 (25.93)	5:57.88 (25.82)	6:23.50 (25.62)	6:49.72 (26.22)		
7:15.73 (26.01)	7:42.68 (26.95)	8:09.19 (26.51)	8:35.63 (26.44)		
9:01.51 (25.88)	9:27.83 (26.32)	9:53.74 (25.91)	10:20.29 (26.55)		
10:46.65 (26.36)	11:13.14 (26.49)	11:40.08 (26.94)	12:11.95 (31.87)		
12:45.37 (33.42)	13:12.71 (27.34)				
4 Kim Anh, Kiet	21	Quan Doi	13:10.00	13:13.21	
r:+0.87 24.53	49.75 (25.22)	1:15.17 (25.42)	1:41.48 (26.31)		
2:07.30 (25.82)	2:33.57 (26.27)	2:59.75 (26.18)	3:26.50 (26.75)		
3:53.55 (27.05)	4:20.07 (26.52)	4:46.64 (26.57)	5:13.69 (27.05)		
5:40.29 (26.60)	6:06.74 (26.45)	6:32.98 (26.24)	6:59.50 (26.52)		
7:26.06 (26.56)	7:53.09 (27.03)	8:19.30 (26.21)	8:45.80 (26.50)		
9:11.86 (26.06)	9:38.27 (26.41)	10:05.20 (26.93)	10:32.24 (27.04)		
10:59.41 (27.17)	11:27.11 (27.70)	11:54.23 (27.12)	12:21.66 (27.43)		
12:47.58 (25.92)	13:13.21 (25.63)				
5 Ngo Quang, Hieu	17	Hai Phong	13:26.00	13:15.89	
r:+0.93 23.69	50.08 (26.39)	1:16.98 (26.90)	1:44.18 (27.20)		
2:10.90 (26.72)	2:38.12 (27.22)	3:04.79 (26.67)	3:31.67 (26.88)		
3:57.83 (26.16)	4:24.56 (26.73)	4:50.64 (26.08)	5:17.14 (26.50)		
5:43.14 (26.00)	6:09.80 (26.66)	6:35.78 (25.98)	7:01.97 (26.19)		
7:28.44 (26.47)	7:55.13 (26.69)	8:21.24 (26.11)	8:48.22 (26.98)		
9:14.95 (26.73)	9:42.49 (27.54)	10:09.94 (27.45)	10:37.29 (27.35)		
11:04.45 (27.16)	11:31.85 (27.40)	11:58.49 (26.64)	12:24.69 (26.20)		
12:50.81 (26.12)	13:15.89 (25.08)				

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025

Results

(Event 108 Men 1500 LC Meter VHCV)

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
6 Vu Sinh, Hung	17	Da Nang	13:25.00	13:37.88	
24.17	50.11 (25.94)	1:15.40 (25.29)	1:41.85 (26.45)		
2:08.21 (26.36)	2:34.84 (26.63)	3:02.03 (27.19)	3:29.33 (27.30)		
3:56.67 (27.34)	4:23.86 (27.19)	4:50.77 (26.91)	5:18.06 (27.29)		
5:45.50 (27.44)	6:13.08 (27.58)	6:40.63 (27.55)	7:08.26 (27.63)		
7:36.21 (27.95)	8:04.27 (28.06)	8:31.88 (27.61)	9:00.18 (28.30)		
9:27.99 (27.81)	9:56.11 (28.12)	10:24.19 (28.08)	10:52.20 (28.01)		
11:20.10 (27.90)	11:48.29 (28.19)	12:16.38 (28.09)	12:44.37 (27.99)		
13:11.60 (27.23)	13:37.88 (26.28)				
7 Nguyen Hai, Nam	17	Quang Ninh	13:05.00	13:52.72	
r:+0.95 24.82	51.01 (26.19)	1:17.87 (26.86)	1:45.33 (27.46)		
2:12.52 (27.19)	2:40.14 (27.62)	3:08.03 (27.89)	3:36.03 (28.00)		
4:04.02 (27.99)	4:32.12 (28.10)	4:59.47 (27.35)	5:27.36 (27.89)		
5:54.71 (27.35)	6:22.40 (27.69)	6:50.71 (28.31)	7:18.80 (28.09)		
7:47.19 (28.39)	8:15.63 (28.44)	8:43.77 (28.14)	9:12.04 (28.27)		
9:40.48 (28.44)	10:08.95 (28.47)	10:37.98 (29.03)	11:07.07 (29.09)		
11:35.19 (28.12)	12:03.76 (28.57)	12:32.16 (28.40)	13:00.11 (27.95)		
13:27.89 (27.78)	13:52.72 (24.83)				
8 Ho Quoc, Khanh	17	Nghe An	13:10.00	13:54.17	
r:+0.87 24.10	50.78 (26.68)	1:17.84 (27.06)	1:44.81 (26.97)		
2:13.08 (28.27)	2:40.72 (27.64)	3:07.69 (26.97)	3:35.69 (28.00)		
4:03.47 (27.78)	4:31.74 (28.27)	5:00.08 (28.34)	5:28.12 (28.04)		
5:57.16 (29.04)	6:25.93 (28.77)	6:54.49 (28.56)	7:22.90 (28.41)		
7:52.05 (29.15)	8:21.45 (29.40)	8:50.35 (28.90)	9:19.09 (28.74)		
9:47.94 (28.85)	10:16.72 (28.78)	10:45.16 (28.44)	11:14.02 (28.86)		
11:41.31 (27.29)	12:09.04 (27.73)	12:36.88 (27.84)	13:04.29 (27.41)		
13:30.28 (25.99)	13:54.17 (23.89)				
9 Nguyen Van, Tai	17	Da Nang	13:50.00	14:06.33	
r:+0.88 25.30	52.60 (27.30)	1:18.53 (25.93)	1:45.43 (26.90)		
2:12.57 (27.14)	2:40.65 (28.08)	3:08.25 (27.60)	3:36.24 (27.99)		
4:04.38 (28.14)	4:32.53 (28.15)	4:59.74 (27.21)	5:27.85 (28.11)		
5:56.09 (28.24)	6:24.47 (28.38)	6:53.12 (28.65)	7:21.75 (28.63)		
7:50.71 (28.96)	8:19.79 (29.08)	8:48.62 (28.83)	9:18.03 (29.41)		
9:47.32 (29.29)	10:16.07 (28.75)	10:45.37 (29.30)	11:14.39 (29.02)		
11:43.59 (29.20)	12:12.55 (28.96)	12:41.78 (29.23)	13:10.33 (28.55)		
13:38.69 (28.36)	14:06.33 (27.64)				
10 Pham Minh, Toan	15	Quan Doi	13:55.00	14:35.50	
25.73	54.17 (28.44)	1:22.16 (27.99)	1:50.76 (28.60)		
2:19.31 (28.55)	2:47.79 (28.48)	3:16.87 (29.08)	3:45.72 (28.85)		
4:14.87 (29.15)	4:43.92 (29.05)	5:13.47 (29.55)	5:42.47 (29.00)		
6:12.08 (29.61)	6:41.47 (29.39)	7:10.81 (29.34)	7:40.32 (29.51)		
8:09.55 (29.23)	8:39.28 (29.73)	9:08.86 (29.58)	9:38.42 (29.56)		
10:08.57 (30.15)	10:37.76 (29.19)	11:07.95 (30.19)	11:37.92 (29.97)		
12:07.81 (29.89)	12:37.98 (30.17)	13:08.14 (30.16)	13:38.33 (30.19)		
14:07.67 (29.34)	14:35.50 (27.83)				
11 Nguyen Anh, Tung	14	Ha Noi	14:40.00	15:33.56	
25.97	54.00 (28.03)	1:23.05 (29.05)	1:53.14 (30.09)		
2:24.29 (31.15)	2:55.38 (31.09)	3:26.77 (31.39)	3:58.00 (31.23)		
4:30.17 (32.17)	5:02.67 (32.50)	5:34.40 (31.73)	6:05.97 (31.57)		
6:37.72 (31.75)	7:10.19 (32.47)	7:40.82 (30.63)	8:12.30 (31.48)		
8:43.89 (31.59)	9:16.84 (32.95)	9:48.31 (31.47)	10:20.73 (32.42)		
10:52.38 (31.65)	11:24.12 (31.74)	11:56.31 (32.19)	12:28.77 (32.46)		
13:00.50 (31.73)	13:32.75 (32.25)	14:01.92 (29.17)	14:32.38 (30.46)		
15:02.88 (30.50)	15:33.56 (30.68)				

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025

Results

(Event 108 Men 1500 LC Meter VHCV)

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
12 Nguyen Duc, Hieu	17	Ha Noi	14:50.00	15:38.09	
r:+0.90 23.68	50.62 (26.94)	1:19.86 (29.24)	1:49.41 (29.55)		
2:19.68 (30.27)	2:50.66 (30.98)	3:21.75 (31.09)	3:53.13 (31.38)		
4:25.27 (32.14)	4:56.17 (30.90)	5:28.13 (31.96)	6:00.09 (31.96)		
6:32.01 (31.92)	7:03.65 (31.64)	7:36.25 (32.60)	8:09.52 (33.27)		
8:41.51 (31.99)	9:14.19 (32.68)	9:46.97 (32.78)	10:18.41 (31.44)		
10:48.86 (30.45)	11:20.90 (32.04)	11:54.38 (33.48)	12:28.36 (33.98)		
13:00.61 (32.25)	13:32.42 (31.81)	14:05.56 (33.14)	14:38.53 (32.97)		
15:08.06 (29.53)	15:38.09 (30.03)				
13 Nguyen Xuan, Quyet	14	Hai Phong	14:30.00	16:15.63	
r:+0.93 27.40	57.17 (29.77)	1:28.10 (30.93)	2:00.11 (32.01)		
2:31.97 (31.86)	3:05.08 (33.11)	3:37.18 (32.10)	4:09.67 (32.49)		
4:41.82 (32.15)	5:15.04 (33.22)	5:48.21 (33.17)	6:21.39 (33.18)		
6:54.23 (32.84)	7:27.01 (32.78)	8:00.03 (33.02)	8:33.24 (33.21)		
9:06.70 (33.46)	9:40.29 (33.59)	10:13.25 (32.96)	10:47.02 (33.77)		
11:20.32 (33.30)	11:53.27 (32.95)	12:26.80 (33.53)	13:00.98 (34.18)		
13:34.87 (33.89)	14:08.84 (33.97)	14:41.33 (32.49)	15:14.35 (33.02)		
15:45.78 (31.43)	16:15.63 (29.85)				

Event 109 Mixed 4x100 LC Meter CVD Relay

KLQG: 3:06.78 # 2022				Bac,Duyen,Thao,Huynh		Doi Tuyen		
T Vo, D Vu, T Thach, N Nguyen								
Team		Relay		Seed Time		Finals Time		Points
1	Dong Nai	A		NT		3:08.24		
1) Nguyen Le, Truyen Dat M19		2) r:0.40 Le Thi, Thanh Tuyen W13		3) r:0.28 Vu Dang, Nhat Nam M21		4) r:0.29 Thach Thi, Diem My W18		
r:+0.83 21.87		44.76 (44.76)		1:08.71 (23.95)		1:34.58 (49.82)		
1:55.93 (21.35)		2:18.06 (43.48)		2:42.24 (24.18)		3:08.24 (50.18)		
2	Hai Phong	A		NT		3:12.33		
1) Le Trung, Hieu M21		2) r:0.46 Le Thi, Thanh Van W21		3) r:0.45 Vo Dinh, Phi M20		4) r:0.40 Pham Thi, Thu W24		
r:+0.85 22.24		46.79 (46.79)		1:10.69 (23.90)		1:37.47 (50.68)		
1:58.97 (21.50)		2:22.05 (44.58)		2:45.90 (23.85)		3:12.33 (50.28)		
3	Quan Doi	A		NT		3:15.09		
1) Nguyen Thanh, Tung M17		2) r:0.27 Nguyen Thi, Minh Ha W13		3) r:0.48 Do Thanh, Thao M22		4) r:0.44 Nguyen Thi, Hong Nhung W19		
r:+0.82 21.87		46.64 (46.64)		1:10.81 (24.17)		1:37.67 (51.03)		
1:59.16 (21.49)		2:22.55 (44.88)		2:47.36 (24.81)		3:15.09 (52.54)		
4	Ninh Binh	A		NT		3:17.58		
1) Nguyen Van, Thanh M19		2) r:0.52 Truong Thi, Thuy Le W18		3) r:0.21 Pham Nhat, Anh M17		4) r:0.61 Nguyen Anh, Thu W15		
r:+0.81 23.48		47.21 (47.21)		1:11.98 (24.77)		1:39.62 (52.41)		
2:01.37 (21.75)		2:27.05 (47.43)		2:51.70 (24.65)		3:17.58 (50.53)		
5	Phu Tho	A		NT		3:31.54		
1) Trinh Tien, Dat M15		2) r:0.46 Nguyen Thanh, Tra W16		3) r:0.20 Vu Van, Bac M23		4) r:0.68 Nguyen Kieu, Oanh W18		
r:+0.83 23.79		49.59 (49.59)		1:14.94 (25.35)		1:42.25 (52.66)		
2:04.85 (22.60)		2:32.05 (49.80)		2:59.57 (27.52)		3:31.54 (59.49)		
6	Ha Noi	A		NT		3:37.89		
1) Nguyen Tung, Lam M14		2) r:0.72 Trinh Tran, Khanh Linh W3		3) r:0.43 Le Vu, Duy Chien M14		4) r:0.55 Luu Ngoc, Minh Trang W16		
r:+0.75 24.14		51.20 (51.20)		1:18.48 (27.28)		1:49.80 (58.60)		
2:12.70 (22.90)		2:39.23 (49.43)		3:06.65 (27.42)		3:37.89 (58.66)		
7	Da Nang	A		NT		4:18.28		
1) Le Van, Chieu M16		2) r:0.55 Nguyen Nhat, Le Nguyen		3) r:0.35 Dang Nguyen, Long Nhat		4) r:0.45 Hoang Nguyen, Thao Nhi W17		
r:+0.87 26.64		55.60 (55.60)		1:28.79 (33.19)		2:05.50 (1:09.90)		
2:35.07 (29.57)		3:05.26 (59.76)		3:40.16 (34.90)		4:18.28 (1:13.02)		
---	TP Ho Chi Minh	A		NT		DNF		
Swimmer did not finish								
1) Phan Le, Thien Thong M17		2) Tran Bao, An W15		3) Chau Hi, Lac M17		4) Pham Thanh, Truc W15		
r:+0.82 26.77		55.75 (28.98)						

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025

Results

Event 110 Mixed 4x50 LC Meter VHCV Relay

KLQG: 1:06.73 # 5/2023		Doi Tuyen			
Team	Relay	Seed Time	Finals Time	Points	
1 Ha Noi	A	NT	1:09.09		
1) Nguyen Huy, Anh M18	2) r:0.57 Tran Thi, Huyen Trang W3	r:0.84 Nguyen Trung, Kien M364	r:0.41 Dang Thi, Vuong W19		
r:+0.79 16.29	34.77 (18.48)	50.34 (15.57)	1:09.09 (18.75)		
2 Da Nang	A	NT	1:10.69		
1) Nguyen Duy, Anh M22	2) r:0.30 Nguyen Thi, Hang W23	3) r:0.35 Vu Sinh, Hung M17	4) r:0.39 Nguyen Thi, Lan Vy W28		
r:+0.85 16.55	35.20 (18.65)	51.70 (16.50)	1:10.69 (18.99)		
3 Quan Doi	A	NT	1:11.51		
1) Truong Minh, Quan M21	2) r:0.48 Thach Thi, Thao Suong W3	r:0.36 Mai Xuan, Anh M20	4) r:0.51 Nguyen Thi, Hong Nhung		
r:+0.87 16.27	36.17 (19.90)	53.01 (16.84)	1:11.51 (18.50)		
4 TP Ho Chi Minh	A	NT	1:13.38		
1) Chau Hi, Lac M17	2) r:0.24 Tran Bao, An W15	3) r:0.20 Phan Le, Thien Thong M14	r:0.37 Pham Thanh, Truc W15		
r:+0.79 17.29	37.03 (19.74)	54.52 (17.49)	1:13.38 (18.86)		
5 Hai Phong	A	NT	1:18.49		
1) Vu Hai, Nam M18	2) r:0.51 Vu Yen, Nhi W15	3) r:0.34 Ngo Quang, Hieu M17	4) r:0.35 Pham Thi, Thu W24		
r:+0.92 17.51	37.59 (20.08)	55.40 (17.81)	1:18.49 (23.09)		
6 Thanh Hoa	A	NT	1:25.20		
1) Cao Van, Manh M16	2) r:0.58 Cao Ngoc, Sang M15	3) r:0.29 Hoang Thi, Kim Ngan W14	r:0.36 Ha Thi, Bac W13		
r:+0.84 19.38	42.77 (23.39)	1:02.10 (19.33)	1:25.20 (23.10)		
7 Hung Yen	A	NT	1:34.12		
1) Le Xuan, Loc M14	2) r:0.51 Pham Thi, Ngoc Anh W13	r:0.00 Ha Van, Phong M17	4) r:0.43 Luong Thao, Nguyen W1		
r:+0.91 24.09	46.70 (22.61)	1:09.94 (23.24)	1:34.12 (24.18)		

Event 211 Women 100 LC Meter Khi tai

KLQG: 37.46 # 06/12/2022		Thi Thu Pham			
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Tran Thi, Huyen Trang	25	Ha Noi	37.00	38.06	
r:+0.98 18.11	38.06 (19.95)				
2 Nguyen Thi, Hang	23	Da Nang	40.00	38.77	
19.06	38.77 (19.71)				
3 Nguyen Thi, Lan Vy	28	Da Nang	39.00	39.35	
18.72	39.35 (20.63)				
4 Thach Thi, Thao Suong	20	Quan Doi	38.00	39.50	
19.21	39.50 (20.29)				
5 Phi Thi, Tuong Vi	15	Ha Noi	40.50	42.30	
r:+0.99 20.50	42.30 (21.80)				
6 Ha Phuong, Anh	16	Hai Phong	41.00	42.75	
21.36	42.75 (21.39)				
7 Trinh Thi, Ngoc Anh	16	Hung Yen	NT	44.67	
21.54	44.67 (23.13)				
--- Pham Thi, Thu	24	Hai Phong	37.58	DNF	
Swimmer did not finish					

Event 212 Men 100 LC Meter Khi tai

KLQG: 32.01 # 18/10/2024		Quan Truong Minh			
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Truong Minh, Quan	21	Quan Doi	32.00	32.34	
15.69	32.34 (16.65)				
2 Do Dinh, Toan	28	TP Ho Chi Minh	32.20	32.84	
r:+0.92 15.59	32.84 (17.25)				
3 Nguyen Duy, Anh	22	Da Nang	34.00	33.94	
r:+0.98 16.03	33.94 (17.91)				

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025

Results

(Event 212 Men 100 LC Meter Khi tai)

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
4 Le Dang, Duc Viet	20	Ha Noi	33.00	34.12	
r:+0.99 16.27	34.12 (17.85)				
5 Tran Cong, Tu	22	Quan Doi	33.00	34.13	
r:+0.97 16.58	34.13 (17.55)				
6 Vu Sinh, Hung	17	Da Nang	36.00	35.05	
r:+0.97 16.71	35.05 (18.34)				
7 Vu Hai, Nam	18	Hai Phong	34.90	35.53	
r:+0.97 17.36	35.53 (18.17)				
--- Nguyen Tien, Dat	22	TP Ho Chi Minh	33.90	DQ	
19.55					

Event 213 Women 1500 LC Meter VHCV

KLQG: 13:37.29 # 10/2017		Tran Thi Trang Diem		Quang Binh	
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Nguyen Thi, Thanh Thi	16	Quang Ninh	13:55.00	14:10.64	
r:+0.81 25.49	53.69 (28.20)	1:22.32 (28.63)	1:52.42 (30.10)		
2:22.56 (30.14)	2:52.08 (29.52)	3:20.74 (28.66)	3:49.95 (29.21)		
4:18.89 (28.94)	4:47.98 (29.09)	5:16.80 (28.82)	5:45.84 (29.04)		
6:14.46 (28.62)	6:43.46 (29.00)	7:12.06 (28.60)	7:41.18 (29.12)		
8:09.74 (28.56)	8:38.62 (28.88)	9:07.20 (28.58)	9:36.33 (29.13)		
10:04.68 (28.35)	10:32.50 (27.82)	11:00.42 (27.92)	11:28.56 (28.14)		
11:56.17 (27.61)	12:23.34 (27.17)	12:51.29 (27.95)	13:19.37 (28.08)		
13:46.08 (26.71)	14:10.64 (24.56)				
2 Nguyen Tu, Anh	18	Nghe An	13:55.00	14:16.84	
r:+0.89 24.84	53.74 (28.90)	1:23.16 (29.42)	1:53.98 (30.82)		
2:24.41 (30.43)	2:54.61 (30.20)	3:24.40 (29.79)	3:53.60 (29.20)		
4:22.63 (29.03)	4:51.44 (28.81)	5:19.68 (28.24)	5:48.03 (28.35)		
6:17.12 (29.09)	6:46.02 (28.90)	7:15.25 (29.23)	7:43.73 (28.48)		
8:12.73 (29.00)	8:42.12 (29.39)	9:10.68 (28.56)	9:40.01 (29.33)		
10:09.01 (29.00)	10:38.27 (29.26)	11:06.34 (28.07)	11:34.37 (28.03)		
12:01.77 (27.40)	12:28.59 (26.82)	12:56.03 (27.44)	13:23.64 (27.61)		
13:50.57 (26.93)	14:16.84 (26.27)				
3 Pham Nguyen, Ly Ly	13	Da Nang	14:45.00	14:38.68	
r:+0.96 27.16	55.98 (28.82)	1:24.85 (28.87)	1:54.88 (30.03)		
2:24.80 (29.92)	2:54.89 (30.09)	3:24.48 (29.59)	3:53.85 (29.37)		
4:22.85 (29.00)	4:52.44 (29.59)	5:21.48 (29.04)	5:50.76 (29.28)		
6:20.40 (29.64)	6:49.80 (29.40)	7:19.28 (29.48)	7:49.09 (29.81)		
8:18.48 (29.39)	8:48.38 (29.90)	9:17.92 (29.54)	9:48.07 (30.15)		
10:17.97 (29.90)	10:47.92 (29.95)	11:16.57 (28.65)	11:46.72 (30.15)		
12:16.36 (29.64)	12:45.66 (29.30)	13:14.96 (29.30)	13:43.90 (28.94)		
14:12.34 (28.44)	14:38.68 (26.34)				
4 Nguyen Thanh, Thuy	16	Quang Ninh	NT	14:41.66	
24.65	52.39 (27.74)	1:21.61 (29.22)	1:50.71 (29.10)		
2:20.37 (29.66)	2:49.97 (29.60)	3:19.59 (29.62)	3:48.70 (29.11)		
4:17.35 (28.65)	4:47.03 (29.68)	5:16.31 (29.28)	5:45.52 (29.21)		
6:15.20 (29.68)	6:44.63 (29.43)	7:14.09 (29.46)	7:43.18 (29.09)		
8:12.05 (28.87)	8:41.46 (29.41)	9:10.24 (28.78)	9:39.30 (29.06)		
10:08.52 (29.22)	10:38.01 (29.49)	11:07.19 (29.18)	11:37.53 (30.34)		
12:08.05 (30.52)	12:39.13 (31.08)	13:10.09 (30.96)	13:40.87 (30.78)		
14:11.65 (30.78)	14:41.66 (30.01)				

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025

Results

(Event 213 Women 1500 LC Meter VHCV)

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
5	Ho Ngoc, Tuong Lam	15	TP Ho Chi Minh	14:25.00	14:42.14	
	26.49	55.34 (28.85)	1:24.55 (29.21)	1:54.79 (30.24)		
	2:24.60 (29.81)	2:54.31 (29.71)	3:23.65 (29.34)	3:53.20 (29.55)		
	4:23.25 (30.05)	4:53.00 (29.75)	5:22.48 (29.48)	5:52.27 (29.79)		
	6:22.11 (29.84)	6:52.22 (30.11)	7:22.09 (29.87)	7:52.08 (29.99)		
	8:21.91 (29.83)	8:52.08 (30.17)	9:21.96 (29.88)	9:51.64 (29.68)		
	10:21.23 (29.59)	10:50.63 (29.40)	11:19.70 (29.07)	11:49.26 (29.56)		
	12:18.37 (29.11)	12:47.59 (29.22)	13:17.07 (29.48)	13:46.81 (29.74)		
	14:15.39 (28.58)	14:42.14 (26.75)				
6	Tran Thi, Yen Trang	15	Quang Tri	14:56.00	14:48.25	
	r:+0.93 25.04	53.14 (28.10)	1:21.70 (28.56)	1:51.45 (29.75)		
	2:20.89 (29.44)	2:50.05 (29.16)	3:19.96 (29.91)	3:48.61 (28.65)		
	4:17.65 (29.04)	4:47.25 (29.60)	5:16.66 (29.41)	5:46.31 (29.65)		
	6:16.25 (29.94)	6:46.63 (30.38)	7:17.01 (30.38)	7:47.57 (30.56)		
	8:17.69 (30.12)	8:48.01 (30.32)	9:18.14 (30.13)	9:48.88 (30.74)		
	10:19.22 (30.34)	10:49.81 (30.59)	11:20.17 (30.36)	11:50.47 (30.30)		
	12:20.92 (30.45)	12:51.11 (30.19)	13:21.03 (29.92)	13:51.33 (30.30)		
	14:20.83 (29.50)	14:48.25 (27.42)				
7	Hoang Thi, Kim Oanh	14	Quang Tri	14:36.00	14:52.99	
	r:+0.97 26.20	54.53 (28.33)	1:23.84 (29.31)	1:53.39 (29.55)		
	2:23.23 (29.84)	2:52.97 (29.74)	3:22.37 (29.40)	3:52.15 (29.78)		
	4:21.84 (29.69)	4:51.46 (29.62)	5:21.18 (29.72)	5:51.22 (30.04)		
	6:21.28 (30.06)	6:51.82 (30.54)	7:22.14 (30.32)	7:52.42 (30.28)		
	8:22.38 (29.96)	8:52.80 (30.42)	9:22.72 (29.92)	9:54.01 (31.29)		
	10:23.78 (29.77)	10:53.65 (29.87)	11:23.87 (30.22)	11:53.78 (29.91)		
	12:23.87 (30.09)	12:54.40 (30.53)	13:24.83 (30.43)	13:56.24 (31.41)		
	14:25.16 (28.92)	14:52.99 (27.83)				
8	Vu Yen, Nhi	15	Hai Phong	15:30.00	16:29.93	
	r:+0.93 29.01	1:01.66 (32.65)	1:34.69 (33.03)	2:07.68 (32.99)		
	2:40.92 (33.24)	3:14.11 (33.19)	3:47.22 (33.11)	4:20.52 (33.30)		
	4:53.88 (33.36)	5:27.46 (33.58)	6:00.76 (33.30)	6:34.25 (33.49)		
	7:08.24 (33.99)	7:41.81 (33.57)	8:15.19 (33.38)	8:49.27 (34.08)		
	9:22.36 (33.09)	9:56.43 (34.07)	10:29.87 (33.44)	11:03.26 (33.39)		
	11:36.98 (33.72)	12:10.76 (33.78)	12:44.13 (33.37)	13:17.65 (33.52)		
	13:51.47 (33.82)	14:24.77 (33.30)	14:57.64 (32.87)	15:30.73 (33.09)		
	16:02.22 (31.49)	16:29.93 (27.71)				
---	Linh Thi, Hoa	14	Quang Ninh	NT	X15:23.38	
	r:+0.98 26.76	55.79 (29.03)	1:25.50 (29.71)	1:56.35 (30.85)		
	2:26.66 (30.31)	2:58.19 (31.53)	3:29.62 (31.43)	4:00.51 (30.89)		
	4:31.65 (31.14)	5:02.71 (31.06)	5:32.24 (29.53)	6:03.28 (31.04)		
	6:34.42 (31.14)	7:05.77 (31.35)	7:37.45 (31.68)	8:09.24 (31.79)		
	8:40.97 (31.73)	9:11.50 (30.53)	9:42.26 (30.76)	10:14.38 (32.12)		
	10:44.70 (30.32)	11:15.97 (31.27)	11:48.24 (32.27)	12:19.78 (31.54)		
	12:50.56 (30.78)	13:21.81 (31.25)	13:52.85 (31.04)	14:23.63 (30.78)		
	14:54.07 (30.44)	15:23.38 (29.31)				
---	Mac Le, Hieu Dan	13	Quang Ninh	NT	X16:23.87	
	r:+0.96 30.81	1:03.17 (32.36)	1:36.26 (33.09)	2:09.86 (33.60)		
	2:42.85 (32.99)	3:16.17 (33.32)	3:49.93 (33.76)	4:22.75 (32.82)		
	4:55.90 (33.15)	5:28.47 (32.57)	6:01.17 (32.70)	6:33.40 (32.23)		
	7:06.16 (32.76)	7:38.59 (32.43)	8:11.53 (32.94)	8:44.78 (33.25)		
	9:18.51 (33.73)	9:51.37 (32.86)	10:24.66 (33.29)	10:58.24 (33.58)		
	11:30.72 (32.48)	12:03.41 (32.69)	12:36.36 (32.95)	13:09.45 (33.09)		
	13:42.97 (33.52)	14:16.34 (33.37)	14:50.93 (34.59)	15:24.28 (33.35)		
	15:53.93 (29.65)	16:23.87 (29.94)				

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025

Results

(Event 213 Women 1500 LC Meter VHCV)

Name		Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
--- Hoang Ha, Binh Minh		13	Quang Ninh	NT	X16:32.84	
r:+0.90 29.34		1:00.14 (30.80)	1:33.23 (33.09)	2:07.12 (33.89)		
2:40.83 (33.71)		3:14.59 (33.76)	3:49.19 (34.60)	4:23.16 (33.97)		
4:56.32 (33.16)		5:30.07 (33.75)	6:03.45 (33.38)	6:38.28 (34.83)		
7:12.67 (34.39)		7:46.50 (33.83)	8:19.21 (32.71)	8:52.99 (33.78)		
9:24.90 (31.91)		9:57.52 (32.62)	10:30.85 (33.33)	11:03.90 (33.05)		
11:37.32 (33.42)		12:11.16 (33.84)	12:44.94 (33.78)	13:18.19 (33.25)		
13:51.17 (32.98)		14:23.40 (32.23)	14:56.45 (33.05)	15:29.36 (32.91)		
16:01.29 (31.93)		16:32.84 (31.55)				
--- Dang Thi, Quynh Nhu		14	Quang Ninh	NT	X17:14.34	
31.64		1:03.93 (32.29)	1:36.24 (32.31)	2:09.31 (33.07)		
2:42.57 (33.26)		3:16.42 (33.85)	3:49.62 (33.20)	4:22.88 (33.26)		
4:56.12 (33.24)		5:29.44 (33.32)	6:02.53 (33.09)	6:38.82 (36.29)		
7:12.34 (33.52)		7:45.56 (33.22)	8:18.45 (32.89)	8:52.90 (34.45)		
9:27.39 (34.49)		10:05.74 (38.35)	10:44.72 (38.98)	11:25.39 (40.67)		
12:00.97 (35.58)		12:37.42 (36.45)	13:12.92 (35.50)	13:48.13 (35.21)		
14:22.32 (34.19)		14:56.51 (34.19)	15:30.26 (33.75)	16:04.86 (34.60)		
16:39.43 (34.57)		17:14.34 (34.91)				

Event 214 Men 400 LC Meter VHCV

KLQG: 3:02.08 # 05/12/2022		Trong Dung Nguyen		NAN		
Name		Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
Finals						
1	Nguyen Trong, Dung	22	Nghe An	3:16.30	3:02.11	
	r:+0.94 21.35	44.60 (23.25)	1:07.44 (22.84)	1:31.42 (23.98)		
	1:53.72 (22.30)	2:16.38 (22.66)	2:39.53 (23.15)	3:02.11 (22.58)		
2	Huynh Quoc, Bao	17	TP Ho Chi Minh	3:17.01	3:06.89	
	r:+0.95 21.78	44.29 (22.51)	1:07.54 (23.25)	1:30.68 (23.14)		
	1:53.94 (23.26)	2:17.63 (23.69)	2:42.27 (24.64)	3:06.89 (24.62)		
3	Pham Gia, Khiem	20	Ninh Binh	3:15.98	3:07.12	
	r:+0.89 20.66	43.97 (23.31)	1:07.21 (23.24)	1:30.94 (23.73)		
	1:54.55 (23.61)	2:18.63 (24.08)	2:43.07 (24.44)	3:07.12 (24.05)		
4	Kim Anh, Kiet	21	Quan Doi	3:19.38	3:12.55	
	22.10	45.37 (23.27)	1:09.86 (24.49)	1:34.51 (24.65)		
	1:59.03 (24.52)	2:24.52 (25.49)	2:48.49 (23.97)	3:12.55 (24.06)		
5	Luu Nguyen, Duc Tam	28	TP Ho Chi Minh	3:19.15	3:13.40	
	r:+0.92 22.26	45.76 (23.50)	1:09.31 (23.55)	1:32.90 (23.59)		
	1:56.68 (23.78)	2:21.73 (25.05)	2:47.70 (25.97)	3:13.40 (25.70)		
6	Vu Sinh, Hung	17	Da Nang	3:17.09	3:14.72	
	22.67	46.30 (23.63)	1:09.54 (23.24)	1:33.95 (24.41)		
	1:58.79 (24.84)	2:24.66 (25.87)	2:50.42 (25.76)	3:14.72 (24.30)		
7	Ho Quoc, Khanh	17	Nghe An	3:22.38	3:21.96	
	r:+0.88 21.90	46.65 (24.75)	1:11.78 (25.13)	1:37.46 (25.68)		
	2:03.81 (26.35)	2:30.35 (26.54)	2:57.21 (26.86)	3:21.96 (24.75)		
8	Nguyen Van, Tai	17	Da Nang	3:17.70	3:23.65	
	r:+0.87 23.22	47.68 (24.46)	1:11.70 (24.02)	1:37.85 (26.15)		
	2:04.07 (26.22)	2:30.43 (26.36)	2:57.34 (26.91)	3:23.65 (26.31)		

Event 214 Men 400 LC Meter VHCV

KLQG: 3:02.08		#	05/12/2022		Trong Dung Nguyen		NAN			
Name		Age		Team		Seed Time		Prelim Time		
Preliminaries										
1	Pham Gia, Khiem			20	Ninh Binh		3:05.00		3:15.98	q
		r:+0.91	20.89	44.24 (23.35)		1:08.30 (24.06)		1:32.97 (24.67)		
		1:58.26 (25.29)		2:24.23 (25.97)		2:50.32 (26.09)		3:15.98 (25.66)		

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025**Results****Preliminaries ... (Event 214 Men 400 LC Meter VHCV)**

	Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
2	Nguyen Trong, Dung	22	Nghe An	3:04.00	3:16.30	q
	r:+0.97 23.00	48.63 (25.63)	1:14.53 (25.90)	1:39.07 (24.54)		
	2:03.17 (24.10)	2:28.33 (25.16)	2:53.29 (24.96)	3:16.30 (23.01)		
3	Huynh Quoc, Bao	17	TP Ho Chi Minh	3:05.00	3:17.01	q
	r:+0.95 23.48	47.58 (24.10)	1:12.59 (25.01)	1:37.59 (25.00)		
	2:02.71 (25.12)	2:28.25 (25.54)	2:53.04 (24.79)	3:17.01 (23.97)		
4	Vu Sinh, Hung	17	Da Nang	3:12.00	3:17.09	q
	r:+0.98 23.28	47.28 (24.00)	1:11.51 (24.23)	1:36.64 (25.13)		
	2:02.03 (25.39)	2:27.29 (25.26)	2:52.27 (24.98)	3:17.09 (24.82)		
5	Nguyen Van, Tai	17	Da Nang	3:20.00	3:17.70	q
	r:+0.85 22.92	47.82 (24.90)	1:12.04 (24.22)	1:37.28 (25.24)		
	2:01.96 (24.68)	2:27.49 (25.53)	2:52.70 (25.21)	3:17.70 (25.00)		
6	Luu Nguyen, Duc Tam	28	TP Ho Chi Minh	3:02.00	3:19.15	q
	r:+0.95 23.24	47.80 (24.56)	1:12.65 (24.85)	1:38.43 (25.78)		
	2:04.05 (25.62)	2:29.76 (25.71)	2:55.06 (25.30)	3:19.15 (24.09)		
7	Kim Anh, Kiet	21	Quan Doi	3:10.00	3:19.38	q
	23.14	47.92 (24.78)	1:12.96 (25.04)	1:38.60 (25.64)		
	2:04.32 (25.72)	2:30.16 (25.84)	2:55.24 (25.08)	3:19.38 (24.14)		
8	Ho Quoc, Khanh	17	Nghe An	3:10.00	3:22.38	q
	r:+0.91 22.66	47.91 (25.25)	1:13.85 (25.94)	1:40.01 (26.16)		
	2:05.93 (25.92)	2:32.13 (26.20)	2:58.46 (26.33)	3:22.38 (23.92)		
9	Ngo Quang, Hieu	17	Hai Phong	3:14.00	3:24.83	
	r:+0.87 23.88	49.54 (25.66)	1:15.62 (26.08)	1:42.07 (26.45)		
	2:08.34 (26.27)	2:34.25 (25.91)	3:00.07 (25.82)	3:24.83 (24.76)		
10	Nguyen Hai, Nam	17	Quang Ninh	3:20.00	3:30.34	
	24.24	50.34 (26.10)	1:16.54 (26.20)	1:43.34 (26.80)		
	2:10.16 (26.82)	2:37.42 (27.26)	3:04.13 (26.71)	3:30.34 (26.21)		
11	Nguyen Tung, Lam	14	Ha Noi	3:20.00	3:30.96	
	r:+0.87 23.19	48.68 (25.49)	1:15.44 (26.76)	1:42.52 (27.08)		
	2:10.08 (27.56)	2:37.28 (27.20)	3:04.68 (27.40)	3:30.96 (26.28)		
12	Dang Phu, Quoc	19	Ha Noi	3:08.00	3:39.73	
	r:+0.38 24.40	51.55 (27.15)	1:19.58 (28.03)	1:47.67 (28.09)		
	2:15.98 (28.31)	2:44.10 (28.12)	3:12.19 (28.09)	3:39.73 (27.54)		
13	Hoang Dinh, Gia Bao	13	Quan Doi	3:20.00	3:41.84	
	r:+0.98 24.01	51.31 (27.30)	1:20.00 (28.69)	1:49.34 (29.34)		
	2:18.74 (29.40)	2:47.70 (28.96)	3:14.74 (27.04)	3:41.84 (27.10)		
14	Nguyen Xuan, Quyet	14	Hai Phong	3:30.00	3:51.72	
	r:+0.91 25.05	53.01 (27.96)	1:21.80 (28.79)	1:51.87 (30.07)		
	2:22.13 (30.26)	2:53.48 (31.35)	3:23.38 (29.90)	3:51.72 (28.34)		
---	Nguyen Thanh, Toan	14	Hai Phong	NT	X3:34.00	
	r:+0.88 24.89	50.96 (26.07)	1:17.14 (26.18)	1:44.17 (27.03)		
	2:11.20 (27.03)	2:38.88 (27.68)	3:07.13 (28.25)	3:34.00 (26.87)		
---	Pham Minh, Toan	15	Quan Doi	NT	X4:00.00	
	26.36	55.66 (29.30)	1:26.15 (30.49)	1:57.64 (31.49)		
	2:28.01 (30.37)	2:58.59 (30.58)	3:29.77 (31.18)	4:00.00 (30.23)		
---	Mai Nguyen, Huu Loc	15	Hai Phong	NT	XDQ	
	Swimmer did not finish					
---	Pham Le, Minh Phuc	21	TP Ho Chi Minh	NT	XDNF	
	Swimmer did not finish					

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025

Results

Event 215 Women 200 LC Meter CVD

KLQG: 1:48.01 # 12/2018		Ngan Thi Nhen		Thanh Hoa		
Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points	
Finals						
1	Le Thi, Thanh Van	21	Hai Phong	1:58.45	1:50.77	
	r:+0.93 26.68	55.07 (28.39)	1:23.43 (28.36)	1:50.77 (27.34)		
2	Do Nguyen Thuy, Linh	16	Cong An Nhan Dan	1:59.18	1:51.95	
	r:+0.85 26.85	55.73 (28.88)	1:24.65 (28.92)	1:51.95 (27.30)		
3	Thach Thi, Diem My	18	Dong Nai	1:57.40	1:52.10	
	r:+0.89 26.95	55.42 (28.47)	1:23.94 (28.52)	1:52.10 (28.16)		
4	Pham Thi, Thu	24	Hai Phong	2:02.54	1:56.00	
	r:+0.89 26.74	56.13 (29.39)	1:26.47 (30.34)	1:56.00 (29.53)		
5	Nguyen Thi, Minh Ha	16	Quan Doi	1:59.27	1:56.97	
	r:+0.85 27.25	56.70 (29.45)	1:26.65 (29.95)	1:56.97 (30.32)		
6	Truong Thi, Thuy Le	18	Ninh Binh	1:58.08	1:57.12	
	r:+0.77 26.79	56.33 (29.54)	1:26.83 (30.50)	1:57.12 (30.29)		
7	Dang Thi, Nhung	14	Quang Ninh	2:01.09	1:58.32	
	r:+0.86 27.77	57.14 (29.37)	1:27.66 (30.52)	1:58.32 (30.66)		
8	Vu Luu, Bao Ngoc	15	Thanh Hoa	1:59.41	1:59.08	
	r:+0.89 27.59	57.51 (29.92)	1:28.06 (30.55)	1:59.08 (31.02)		

Event 215 Women 200 LC Meter CVD

KLQG: 1:48.01 # 12/2018		Ngan Thi Nhien		Thanh Hoa	
Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
Preliminaries					
1	Thach Thi, Diem My r:+0.88 27.89	18 Dong Nai 57.51 (29.62) 1:27.65 (30.14)	1:50.00 1:57.40 (29.75)	1:57.40	q
2	Truong Thi, Thuy Le r:+0.86 27.26	18 Ninh Binh 58.22 (30.96) 1:28.92 (30.70)	1:50.00 1:58.08 (29.16)	1:58.08	q
3	Le Thi, Thanh Van r:+0.94 28.26	21 Hai Phong 58.83 (30.57) 1:28.68 (29.85)	1:50.00 1:58.45 (29.77)	1:58.45	q
4	Do Nguyen Thuy, Linh r:+0.84 27.94	16 Cong An Nhan Dan 58.35 (30.41) 1:29.21 (30.86)	1:51.00 1:59.18 (29.97)	1:59.18	q
5	Nguyen Thi, Minh Ha r:+0.86 28.52	16 Quan Doi 59.18 (30.66) 1:30.02 (30.84)	1:53.00 1:59.27 (29.25)	1:59.27	q
6	Vu Luu, Bao Ngoc r:+0.86 27.16	15 Thanh Hoa 56.76 (29.60) 1:27.82 (31.06)	NT 1:59.41 (31.59)	1:59.41	q
7	Dang Thi, Nhung r:+0.87 28.85	14 Quang Ninh 1:00.50 (31.65) 1:31.15 (30.65)	NT 2:01.09 (29.94)	2:01.09	q
8	Pham Thi, Ngoc Anh r:+0.97 29.06	13 Hung Yen 1:00.81 (31.75) 1:32.81 (32.00)	1:57.00 2:02.19 (29.38)	2:02.19	q
9	Pham Thi, Thu r:+0.90 28.38	24 Hai Phong 59.63 (31.25) 1:30.96 (31.33)	1:50.00 2:02.54 (31.58)	2:02.54	
10	Nguyen Thanh, Tra r:+0.87 28.87	16 Phu Tho 59.18 (30.31) 1:30.76 (31.58)	1:55.00 2:02.60 (31.84)	2:02.60	
11	Nguyen Anh, Thu r:+0.93 28.78	15 Ninh Binh 1:00.75 (31.97) 1:35.40 (34.65)	1:51.50 2:08.69 (33.29)	2:08.69	
12	Phi Phuong, Thao r:+0.94 30.56	14 Ha Noi 1:03.56 (33.00) 1:40.30 (36.74)	2:02.00 2:16.30 (36.00)	2:16.30	
13	Luong Thao, Nguyen r:+0.97 30.93	13 Hung Yen 1:05.97 (35.04) 1:42.68 (36.71)	NT 2:19.13 (36.45)	2:19.13	
14	Le Thi, Thanh Tuyen r:+0.92 32.11	16 Dong Nai 1:07.03 (34.92) 1:44.02 (36.99)	1:52.00 2:20.88 (36.86)	2:20.88	

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025

Results

Preliminaries ... (Event 215 Women 200 LC Meter CVD)

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time
--- Kaing, Muynin	19	Cambodia	NT	X1:54.18
r:+0.83 26.79	55.24 (28.45)	1:24.97 (29.73)	1:54.18 (29.21)	
--- Do Thi, Tuyet Mai	18	Hai Phong	NT	X1:57.45
r:+0.84 27.77	56.81 (29.04)	1:27.50 (30.69)	1:57.45 (29.95)	
--- Hoang Thi, Kieu Mai	17	Hai Phong	NT	X1:59.05
r:+0.92 28.07	58.54 (30.47)	1:28.94 (30.40)	1:59.05 (30.11)	
--- Hoang Thi, Kim Ngan	11	Thanh Hoa	NT	X2:11.49
r:+0.87 29.60	1:03.10 (33.50)	1:38.17 (35.07)	2:11.49 (33.32)	
--- Luu Thi, Duong	12	Ninh Binh	NT	XDQ
r:+0.96 29.26	1:02.99 (33.73)			
--- Le Ngoc, Tuong Vi	14	Ninh Binh	NT	XNS

Event 216 Men 200 LC Meter CVD

KLQG: 1:37.67 # 12/2018		Phan Duc Toan		Quang Binh	
Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
Finals					
1 Vu Dang, Nhat Nam	21	Dong Nai	1:43.59	1:38.17	
r:+0.87 23.78	49.33 (25.55)	1:14.87 (25.54)	1:38.17 (23.30)		
2 Nguyen Le, Truyen Dat	19	Dong Nai	1:47.21	1:40.26	
r:+0.86 23.92	49.69 (25.77)	1:15.49 (25.80)	1:40.26 (24.77)		
3 Vo Dinh, Phi	20	Hai Phong	1:47.50	1:41.46	
r:+0.83 23.60	49.32 (25.72)	1:15.79 (26.47)	1:41.46 (25.67)		
4 Vu Ngoc, Diep	17	Hai Phong	1:45.72	1:43.30	
r:+0.86 24.47	51.03 (26.56)	1:17.46 (26.43)	1:43.30 (25.84)		
5 Ngo Dinh, Chuyen	24	Quang Ninh	1:45.54	1:44.21	
r:+0.80 24.07	49.92 (25.85)	1:16.35 (26.43)	1:44.21 (27.86)		
6 Tran Van, Dai	13	Ninh Binh	1:49.12	1:47.99	
r:+0.86 25.33	53.46 (28.13)	1:21.42 (27.96)	1:47.99 (26.57)		
7 Phan Le, Thien Thong	17	TP Ho Chi Minh	1:45.97	1:49.35	
r:+0.80 24.53	51.21 (26.68)	1:20.50 (29.29)	1:49.35 (28.85)		
8 Pham Nhat, Anh	17	Ninh Binh	1:48.97	1:49.83	
r:+0.82 24.97	52.31 (27.34)	1:21.00 (28.69)	1:49.83 (28.83)		

Event 216 Men 200 LC Meter CVD

KLQG: 1:37.67 # 12/2018		Phan Duc Toan		Quang Binh	
Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
Preliminaries					
1 Vu Dang, Nhat Nam	21	Dong Nai	1:36.30	1:43.59	q
r:+0.90 24.84	51.15 (26.31)	1:17.77 (26.62)	1:43.59 (25.82)		
2 Ngo Dinh, Chuyen	24	Quang Ninh	1:39.00	1:45.54	q
r:+0.80 24.73	51.69 (26.96)	1:18.61 (26.92)	1:45.54 (26.93)		
3 Vu Ngoc, Diep	17	Hai Phong	1:40.00	1:45.72	q
r:+0.88 25.21	52.00 (26.79)	1:19.02 (27.02)	1:45.72 (26.70)		
4 Phan Le, Thien Thong	17	TP Ho Chi Minh	1:44.00	1:45.97	q
r:+0.85 24.96	52.06 (27.10)	1:18.97 (26.91)	1:45.97 (27.00)		
5 Nguyen Le, Truyen Dat	19	Dong Nai	1:37.00	1:47.21	q
r:+0.85 24.96	51.93 (26.97)	1:20.09 (28.16)	1:47.21 (27.12)		
6 Vo Dinh, Phi	20	Hai Phong	1:40.50	1:47.50	q
r:+0.86 25.00	52.73 (27.73)	1:20.39 (27.66)	1:47.50 (27.11)		
7 Pham Nhat, Anh	17	Ninh Binh	1:45.00	1:48.97	q
r:+0.81 25.70	53.41 (27.71)	1:21.52 (28.11)	1:48.97 (27.45)		
8 Tran Van, Dai	13	Ninh Binh	1:46.10	1:49.12	q
r:+0.88 25.61	54.14 (28.53)	1:22.45 (28.31)	1:49.12 (26.67)		

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025**Results****Preliminaries ... (Event 216 Men 200 LC Meter CVD)**

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time
9 Ngo Minh, Chien	18	Quang Tri	1:45.00	1:49.45
r:+0.82 25.46	53.01 (27.55)	1:21.21 (28.20)	1:49.45 (28.24)	
10 Trinh Tien, Dat	15	Phu Tho	1:46.00	1:50.56
r:+0.85 24.84	52.13 (27.29)	1:22.39 (30.26)	1:50.56 (28.17)	
11 Tran Hoang, Anh	13	Quang Tri	1:50.26	1:51.66
r:+0.84 26.64	55.59 (28.95)	1:24.22 (28.63)	1:51.66 (27.44)	
12 Tran Duy, Khanh	13	Hung Yen	1:50.00	1:51.83
r:+0.87 25.19	55.08 (29.89)	1:24.49 (29.41)	1:51.83 (27.34)	
13 Le Van, Chieu	16	Da Nang	1:41.00	1:53.57
r:+0.83 25.20	53.39 (28.19)	1:22.97 (29.58)	1:53.57 (30.60)	
14 Ngo Tri, Tam	14	Nghe An	1:48.00	1:57.30
r:+0.83 25.94	55.24 (29.30)	1:25.24 (30.00)	1:57.30 (32.06)	
15 Hoang Dinh, Gia Bao	13	Quan Doi	1:42.00	2:21.39
r:+0.88 31.73	1:07.34 (35.61)	1:44.12 (36.78)	2:21.39 (37.27)	
--- Nguyen Nam, Khanh	17	Hai Phong	NT	X1:48.40
r:+0.86 25.57	53.68 (28.11)	1:21.44 (27.76)	1:48.40 (26.96)	
--- Vu Dai, Duong	13	Hai Phong	NT	X1:52.44
r:+0.89 25.76	54.76 (29.00)	1:24.28 (29.52)	1:52.44 (28.16)	
--- Nguyen Thanh, Toan	14	Hai Phong	NT	X1:53.26
r:+0.79 26.88	55.75 (28.87)	1:25.77 (30.02)	1:53.26 (27.49)	
--- Nguyen Xuan, Quyet	14	Hai Phong	NT	X1:54.31
r:+0.90 26.17	55.35 (29.18)	1:25.07 (29.72)	1:54.31 (29.24)	
--- Nguyen Duc, Tien	17	Hai Phong	NT	X2:00.49
r:+0.91 27.06	57.41 (30.35)	1:29.27 (31.86)	2:00.49 (31.22)	
--- Mai Xuan, Anh	20	Quan Doi	1:42.00	DNF
Swimmer did not finish				

Event 217 Women 200 LC Meter VHCV

KLQG: 1:30.53 # 12/2018		Nguyen Thi Tam		Thanh Hoa	
Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
Finals					
1 Dang Thi, Vuong	19	Ha Noi	1:39.24	1:33.49	
r:+0.91 21.33	44.45 (23.12)	1:08.62 (24.17)	1:33.49 (24.87)		
2 Nguyen Tu, Anh	18	Nghe An	1:40.03	1:35.34	
r:+0.87 21.62	45.28 (23.66)	1:10.61 (25.33)	1:35.34 (24.73)		
3 Nguyen Nhat, Le Nguyen	20	Da Nang	1:39.99	1:35.95	
r:+0.92 22.86	46.87 (24.01)	1:11.10 (24.23)	1:35.95 (24.85)		
4 Tran Thi, Hoai Thuong	17	Dong Nai	1:38.93	1:36.86	
21.63	45.43 (23.80)	1:10.83 (25.40)	1:36.86 (26.03)		
5 Trieu Thi, Uyen	15	Quang Ninh	1:38.48	1:36.99	
r:+0.85 22.32	46.36 (24.04)	1:11.56 (25.20)	1:36.99 (25.43)		
6 Pham Thi, Hong Diep	21	Hung Yen	1:39.54	1:38.09	
r:+0.85 22.76	47.13 (24.37)	1:12.02 (24.89)	1:38.09 (26.07)		
7 Phan Thi, Thuy Suong	17	Quang Tri	1:39.90	1:38.92	
r:+0.94 21.86	46.14 (24.28)	1:12.82 (26.68)	1:38.92 (26.10)		
8 Nguyen Thi, Hang	23	Da Nang	1:38.93	1:43.83	
r:+0.91 22.33	46.94 (24.61)	1:14.54 (27.60)	1:43.83 (29.29)		

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025

Results

Event 217 Women 200 LC Meter VHCV

KLQG: 1:30.53 # 12/2018		Nguyen Thi Tam		Thanh Hoa	
Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
Preliminaries					
1 Trieu Thi, Uyen	15	Quang Ninh	NT	1:38.48	q
r:+0.84 21.63	45.86 (24.23)	1:12.12 (26.26)	1:38.48 (26.36)		
*2 Nguyen Thi, Hang	23	Da Nang	1:32.00	1:38.93	q
r:+0.92 22.55	48.23 (25.68)	1:14.04 (25.81)	1:38.93 (24.89)		
*2 Tran Thi, Hoai Thuong	17	Dong Nai	1:37.00	1:38.93	q
22.86	47.35 (24.49)	1:12.82 (25.47)	1:38.93 (26.11)		
4 Dang Thi, Vuong	19	Ha Noi	1:33.00	1:39.24	q
r:+0.95 22.82	48.11 (25.29)	1:13.92 (25.81)	1:39.24 (25.32)		
5 Pham Thi, Hong Diep	21	Hung Yen	1:33.00	1:39.54	q
r:+0.91 23.09	47.64 (24.55)	1:13.46 (25.82)	1:39.54 (26.08)		
6 Phan Thi, Thuy Suong	17	Quang Tri	1:32.25	1:39.90	q
r:+0.90 24.00	49.29 (25.29)	1:14.97 (25.68)	1:39.90 (24.93)		
7 Nguyen Nhat, Le Nguyen	20	Da Nang	1:34.00	1:39.99	q
r:+0.96 24.01	49.01 (25.00)	1:14.59 (25.58)	1:39.99 (25.40)		
8 Nguyen Tu, Anh	18	Nghe An	1:36.00	1:40.03	q
r:+0.87 24.06	50.03 (25.97)	1:15.61 (25.58)	1:40.03 (24.42)		
9 Luu Ngoc, Minh Trang	15	Ha Noi	1:35.00	1:43.25	
r:+0.94 23.92	49.29 (25.37)	1:15.74 (26.45)	1:43.25 (27.51)		
10 Trinh Thi, Ngoc Anh	16	Hung Yen	1:39.00	1:44.36	
r:+0.97 24.72	50.83 (26.11)	1:17.62 (26.79)	1:44.36 (26.74)		
11 Ngo Thi, Van Anh	13	Cong An Nhan Dan	1:47.00	1:48.07	
r:+0.83 25.04	52.45 (27.41)	1:21.01 (28.56)	1:48.07 (27.06)		
12 Luong Thi, Ngoc Anh	16	Ninh Binh	NT	1:48.83	
r:+0.92 24.32	51.89 (27.57)	1:20.61 (28.72)	1:48.83 (28.22)		
13 Trieu Yen, Nhi	15	Cong An Nhan Dan	1:48.00	1:49.25	
r:+0.84 25.74	52.47 (26.73)	1:20.73 (28.26)	1:49.25 (28.52)		
14 Tran Thi, Yen Trang	15	Quang Tri	1:39.12	1:53.21	
r:+0.92 26.16	54.88 (28.72)	1:24.27 (29.39)	1:53.21 (28.94)		
15 Vu Yen, Nhi	15	Hai Phong	1:45.00	1:53.67	
r:+0.94 26.14	55.39 (29.25)	1:25.31 (29.92)	1:53.67 (28.36)		
16 Nguyen Thi, Thanh Thi	16	Quang Ninh	1:35.00	2:10.91	
r:+0.86 32.01	1:05.20 (33.19)	1:38.78 (33.58)	2:10.91 (32.13)		
17 Nguyen Thi, Hong Nhung	16	Quan Doi	1:38.00	2:11.83	
r:+0.84 29.71	1:02.91 (33.20)	1:36.74 (33.83)	2:11.83 (35.09)		
--- Dang Thi, Nhung	14	Quang Ninh	NT	X1:44.09	
--- Nguyen Thi, Thu	18	Quang Ninh	NT	X1:44.09	
--- Pham Nguyen, Ly Ly	13	Da Nang	NT	X1:45.63	
25.34	51.19 (25.85)	1:19.10 (27.91)	1:45.63 (26.53)		
--- Nguyen Thi, Phuong	18	Quang Ninh	NT	X1:46.38	
24.31	50.94 (26.63)	1:18.96 (28.02)	1:46.38 (27.42)		
--- Hoang Nguyen, Thao Nhi	18	Da Nang	NT	X1:48.72	
25.55	52.68 (27.13)	1:20.59 (27.91)	1:48.72 (28.13)		
--- Hoang Ha, Binh Minh	13	Quang Ninh	NT	X1:51.20	
r:+0.84 24.86	52.88 (28.02)	1:22.67 (29.79)	1:51.20 (28.53)		
--- Dang Thi, Quynh Nhu	14	Quang Ninh	NT	X1:53.46	
r:+0.88 26.47	54.59 (28.12)	1:23.84 (29.25)	1:53.46 (29.62)		
--- Linh Thi, Hoa	14	Quang Ninh	NT	X1:53.74	
--- Trinh Tran, Khanh Linh	11	Ha Noi	NT	X2:02.46	
r:+0.91 28.03	59.06 (31.03)	1:31.66 (32.60)	2:02.46 (30.80)		

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025

Results

Preliminaries ... (Event 217 Women 200 LC Meter VHCV)

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time
--- Mac Le, Hieu Dan	13	Quang Ninh	NT	X2:03.85
r:+0.97 28.17	58.88 (30.71)	1:31.80 (32.92)	2:03.85 (32.05)	

Event 218 Men 200 LC Meter VHCV

KLQG: 1:21.39 # 12/2017		Nguyen Thanh Loc		TP Ho Chi Minh	
Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
Finals					
1 Nguyen Thanh, Loc	30	TP Ho Chi Minh	1:29.97	1:23.04	
r:+0.86 19.45	40.16 (20.71)	1:01.88 (21.72)	1:23.04 (21.16)		
2 Dang Phu, Quoc	19	Ha Noi	1:29.88	1:23.83	
r:+0.95 19.02	39.85 (20.83)	1:01.65 (21.80)	1:23.83 (22.18)		
3 Nguyen Trong, Dung	22	Nghe An	1:29.77	1:26.12	
r:+0.92 20.24	41.79 (21.55)	1:04.18 (22.39)	1:26.12 (21.94)		
4 Pham Gia, Khiem	20	Ninh Binh	1:30.02	1:26.67	
r:+0.88 19.57	41.31 (21.74)	1:04.84 (23.53)	1:26.67 (21.83)		
5 Kim Anh, Kiet	21	Quan Doi	1:30.00	1:26.81	
21.72	43.66 (21.94)	1:04.86 (21.20)	1:26.81 (21.95)		
6 Vo Vi, Tuong	17	Quan Doi	1:28.96	1:29.66	
r:+0.91 20.55	43.01 (22.46)	1:06.32 (23.31)	1:29.66 (23.34)		
--- Vu Sinh, Hung	17	Da Nang	1:31.17	DNF	
Swimmer did not finish					
r:+0.95 24.07	55.12 (31.05)				
--- Luu Nguyen, Duc Tam	28	TP Ho Chi Minh	1:30.15	DNF	
Swimmer did not finish					

Event 218 Men 200 LC Meter VHCV

KLQG: 1:21.39 # 12/2017		Nguyen Thanh Loc		TP Ho Chi Minh	
Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
Preliminaries					
1 Vo Vi, Tuong	17	Quan Doi	1:27.00	1:28.96	q
2 Nguyen Trong, Dung	22	Nghe An	1:23.00	1:29.77	q
r:+0.92 22.55	48.23 (25.68)	1:14.04 (25.81)	1:29.77 (15.73)		
3 Dang Phu, Quoc	19	Ha Noi	1:24.00	1:29.88	q
r:+0.91 23.09	47.64 (24.55)	1:13.46 (25.82)	1:29.88 (16.42)		
4 Nguyen Thanh, Loc	30	TP Ho Chi Minh	1:23.00	1:29.97	q
r:+0.89 20.13	42.45 (22.32)	1:05.80 (23.35)	1:29.97 (24.17)		
5 Kim Anh, Kiet	21	Quan Doi	1:25.00	1:30.00	q
22.25	44.82 (22.57)	1:07.65 (22.83)	1:30.00 (22.35)		
6 Pham Gia, Khiem	20	Ninh Binh	1:23.00	1:30.02	q
7 Luu Nguyen, Duc Tam	28	TP Ho Chi Minh	1:23.00	1:30.15	q
r:+0.92 21.21	43.32 (22.11)	1:06.51 (23.19)	1:30.15 (23.64)		
8 Vu Sinh, Hung	17	Da Nang	1:28.00	1:31.17	q
r:+0.84 29.71	1:02.91 (33.20)	1:36.74 (33.83)	1:31.17 ()		
9 Nguyen Huy, Anh	18	Ha Noi	1:25.00	1:32.07	
r:+0.86 32.01	1:05.20 (33.19)	1:38.78 (33.58)	1:32.07 ()		
10 Ngo Quang, Hieu	17	Hai Phong	1:29.00	1:32.92	
r:+0.98 20.82	43.87 (23.05)	1:08.79 (24.92)	1:32.92 (24.13)		
11 Nguyen The, Duong	16	Dong Nai	1:25.00	1:33.75	
12 Vo Van, Vuong	19	Da Nang	1:28.00	1:33.84	
r:+0.91 21.11	44.19 (23.08)	1:08.80 (24.61)	1:33.84 (25.04)		
13 Nguyen Hai, Nam	17	Quang Ninh	1:32.00	1:36.24	
r:+0.94 26.14	55.39 (29.25)	1:25.31 (29.92)	1:36.24 (10.93)		
14 Do Anh, Dung	17	Dong Nai	1:38.00	1:37.04	

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025

Results

Preliminaries ... (Event 218 Men 200 LC Meter VHCV)

Name		Age	Team	Seed Time	Prelim Time
15	Cao Van, Manh	16	Thanh Hoa	NT	1:39.56
16	Nguyen Thanh, Toan	14	Hai Phong	1:28.00	1:40.58
---	Pham Le, Minh Phuc	21	TP Ho Chi Minh	NT	X1:33.58
	22.53	46.01 (23.48)	1:10.12 (24.11)	1:33.58 (23.46)	
---	Toun, Titsatya	21	Cambodia	NT	X1:34.06
	r:+0.84 24.86	52.88 (28.02)	1:22.67 (29.79)	1:34.06 (11.39)	
---	Hoang Dinh, Gia Bao	13	Quan Doi	NT	X1:37.18
	r:+0.92 24.32	51.89 (27.57)	1:20.61 (28.72)	1:37.18 (16.57)	
---	Cao Ngoc, Sang	15	Thanh Hoa	NT	X1:43.30
	r:+0.89 23.51	48.93 (25.42)	1:15.76 (26.83)	1:43.30 (27.54)	
---	Pham Minh, Toan	15	Quan Doi	NT	X1:50.55
	r:+0.97 25.79	53.74 (27.95)	1:22.36 (28.62)	1:50.55 (28.19)	
---	Lo Minh, Thanh	13	Thanh Hoa	NT	X1:55.51
---	Mai Nguyen, Huu Loc	15	Hai Phong	NT	XDQ
	Swimmer did not finish				
	r:+0.84 21.63	45.86 (24.23)	1:12.12 (26.26)		

Event 219 Women 4x50 LC Meter VHCV Relay

Team	Relay	Seed Time	Finals Time	Points
1 Thanh Hoa	A	NT	1:13.73	
	1) Cao Thi, Duyen 24 2) r:0.08 Hoang Thi, Anh Thu 17 3) r:0.00 Le Thi, Nhung 16 4) r:0.06 Pham Hoai, Anh 19			
	r:+0.89 18.28 37.09 (18.81) 55.21 (18.12) 1:13.73 (18.52)			
2 Ha Noi	A	NT	1:13.94	
	1) Tran Thi, Huyen Trang 25 2) r:0.45 Luu Ngoc, Minh Trang 153) r:0.18 Tran Phuong, Minh 24 4) r:0.31 Dang Thi, Vuong 19			
	r:+0.84 19.00 37.34 (18.34) 55.71 (18.37) 1:13.94 (18.23)			
3 Quang Ninh	A	NT	1:16.31	
	1) Trieu Thi, Uyen 15 2) r:0.27 Dang Thi, Tam 14 3) r:0.31 Nguyen Thi, Thuy Dung 14) r:0.34 Nguyen Thi, Thanh Thi 14			
	r:+0.81 19.74 37.86 (18.12) 56.81 (18.95) 1:16.31 (19.50)			
4 Da Nang	A	NT	1:16.61	
	1) Nguyen Thi, Lan Vy 28 2) r:0.45 Nguyen Nhat, Le Nguyen3) r:0.28 Nguyen Hoai, Thuong 23 4) r:0.33 Nguyen Thi, Hang 23			
	r:+0.86 19.65 38.72 (19.07) 58.32 (19.60) 1:16.61 (18.29)			

Event 220 Men 4x50 LC Meter VHCV Relay

Team	Relay	Seed Time	Finals Time	Points
1 TP Ho Chi Minh	A	NT	1:03.75	
	1) Nguyen Tien, Dat 22 2) r:0.09 Do Dinh, Toan 28 3) r:0.20 Nguyen Khang, Dung 18 4) r:0.31 Nguyen Thanh, Loc 30			
	r:+0.94 16.26 31.45 (15.19) 47.86 (16.41) 1:03.75 (15.89)			
2 Ha Noi	A	NT	1:05.86	
	1) Le Dang, Duc Viet 20 2) r:0.35 Nguyen Trung, Kien 36 3) r:0.58 Dang Phu, Quoc 19 4) r:0.48 Nguyen Huy, Anh 18			
	r:+0.87 16.96 32.89 (15.93) 49.84 (16.95) 1:05.86 (16.02)			
3 Quan Doi	A	NT	1:07.28	
	1) Truong Minh, Quan 21 2) r:0.38 Mai Xuan, Anh 20 3) r:0.54 Do Thanh, Thao 22 4) r:0.10 Tran Cong, Tu 22			
	r:+0.88 16.39 33.55 (17.16) 50.68 (17.13) 1:07.28 (16.60)			
4 Da Nang	A	NT	1:08.05	
	1) Nguyen Duy, Anh 22 2) r:0.22 Dang Nguyen, Long Nhat3) r:0.31 Nguyen Van, Tai 17 4) r:0.50 Vu Sinh, Hung 17			
	r:+0.84 16.92 34.27 (17.35) 51.91 (17.64) 1:08.05 (16.14)			

Event 321 Women 50 LC Meter VHCV

KLQG: 17.94 # 07/12/2022		Thi Duyen Cao		THA	
Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
1 Cao Thi, Duyen	24	Thanh Hoa	18.97	18.47	
	r:+0.85				

GIAI LAN VO ĐỊCH QUỐC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025

Results

Finals ... (Event 321 Women 50 LC Meter VHCV)

	Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
2	Tran Thi, Huyen Trang r:+0.84	25	Ha Noi	19.26	18.88	
3	Dang Thi, Vuong r:+0.90	19	Ha Noi	19.13	18.96	
4	Pham Thi, Thu r:+0.91	24	Hai Phong	19.13	19.06	
5	Le Thi, Nhung r:+0.92	16	Thanh Hoa	19.64	19.24	
6	Dang Thi, Tam r:+0.89	14	Quang Ninh	19.29	19.57	
7	Nguyen Thi, Hong Nhung r:+0.89	16	Quan Doi	19.49	19.67	
8	Nguyen Thi, Thuy Dung r:+0.84	19	Quang Ninh	20.06	19.94	

Event 321 Women 50 LC Meter VHCV

KLQG: 17.94 # 07/12/2022 Thi Duyen Cao

THA

	Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
Preliminaries						
1	Cao Thi, Duyen r:+0.93	24	Thanh Hoa	18.20	18.97	q
*2	Pham Thi, Thu r:+0.91	24	Hai Phong	18.00	19.13	q
*2	Dang Thi, Vuong r:+0.88	19	Ha Noi	18.50	19.13	q
4	Tran Thi, Huyen Trang r:+0.85	25	Ha Noi	18.00	19.26	q
5	Dang Thi, Tam r:+0.91	14	Quang Ninh	19.00	19.29	q
6	Nguyen Thi, Hong Nhung r:+0.92	16	Quan Doi	21.00	19.49	q
7	Le Thi, Nhung r:+0.91	16	Thanh Hoa	NT	19.64	q
8	Nguyen Thi, Thuy Dung r:+0.88	19	Quang Ninh	19.20	20.06	q
9	Nguyen Kieu, Oanh r:+0.91	18	Phu Tho	19.40	20.24	
10	Nguyen Thi, Minh Ha r:+0.93	16	Quan Doi	21.00	20.44	
11	Tran Bao, An r:+0.88	15	TP Ho Chi Minh	19.40	20.64	
*12	Vu Yen, Nhi r:+0.88	15	Hai Phong	19.50	20.77	
*12	Le Bao, Thy r:+0.85	16	Ninh Binh	19.80	20.77	
14	Tran Thi, Thanh Thuy r:+0.93	13	Ninh Binh	20.80	21.05	
15	Nguyen Thi, Ha Linh r:+0.89	13	Nghe An	21.00	21.63	
16	Tran Thi, Hoai Thuong	17	Dong Nai	19.20	22.08	
17	Pham Thi, Ngoc Anh r:+0.96	13	Hung Yen	NT	23.75	
18	Do Hong, Tui	16	Hung Yen	19.80	25.24	

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025

Results

Preliminaries ... (Event 321 Women 50 LC Meter VHCV)

	Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time
19	Phan Thi, Thuy Suong r:+0.99	17	Quang Tri	20.18	25.37
20	Nguyen Thi, Hang Nga r:+0.89	13	Quang Tri	22.00	28.45
21	Nguyen Thi, Lan Vy	28	Da Nang	19.00	33.51
---	Le Ngoc, Nuong r:+0.94	24	Thanh Hoa	NT	X19.74
---	Pham Hoai, Anh r:+0.91	19	Thanh Hoa	NT	X19.90
---	Nguyen Thi, Thu r:+0.98	18	Quang Ninh	NT	X21.48
---	Dang Thi, Nhung r:+0.94	14	Quang Ninh	NT	X21.63
---	Luong Thi, Ngoc Anh r:+0.87	16	Ninh Binh	NT	X21.76
---	Ha Thi, Bac r:+0.80	13	Thanh Hoa	NT	X23.24
---	Linh Thi, Hoa r:+0.93	14	Quang Ninh	NT	X23.28
---	Mac Le, Hieu Dan r:+0.92	13	Quang Ninh	NT	X23.61
---	Hoang Thi, Kim Ngan r:+0.80	11	Thanh Hoa	NT	X23.64
---	Hoang Ha, Binh Minh r:+0.89	13	Quang Ninh	NT	X23.76
---	Dang Thi, Quynh Nhu r:+0.84	14	Quang Ninh	NT	X24.33
---	Trieu Thi, Uyen r:+0.92	15	Quang Ninh	NT	X26.19
---	Hoang Thi, Anh Thu	17	Thanh Hoa	NT	XDQ
	Swam under water more than 15 meters after start or turn r:+0.90				

Event 322 Men 50 LC Meter VHCV

KLQG: 15.51 # 7/2017		Nguyen Thanh Loc		TP Ho Chi Minh		
Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points	
Finals						
1	Nguyen Thanh, Loc r:+0.86	30	TP Ho Chi Minh	16.73	15.51 #	
2	Do Dinh, Toan r:+0.84	28	TP Ho Chi Minh	16.49	16.10	
3	Tran Duy, Bao r:+0.82	15	Hung Yen	16.60	16.32	
4	Truong Minh, Quan r:+0.85	21	Quan Doi	16.87	16.52	
5	Nguyen Huy, Anh r:+0.78	18	Ha Noi	17.35	16.69	
6	Nguyen Duy, Anh r:+0.88	22	Da Nang	16.97	16.83	
7	Le Khuong, Duy r:+0.93	17	Thanh Hoa	17.53	17.28	
8	Pham Nhat, Anh r:+0.87	17	Ninh Binh	17.96	17.71	

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025

Results

Event 322 Men 50 LC Meter VHCV

KLQG: 15.51 # 7/2017		Nguyen Thanh Loc		TP Ho Chi Minh	
Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
Preliminaries					
1 Do Dinh, Toan	28	TP Ho Chi Minh	15.00	16.49	q
2 Tran Duy, Bao	15	Hung Yen	16.50	16.60	q
3 Nguyen Thanh, Loc r:+0.88	30	TP Ho Chi Minh	14.70	16.73	q
4 Truong Minh, Quan r:+0.89	21	Quan Doi	16.50	16.87	q
5 Nguyen Duy, Anh r:+0.86	22	Da Nang	16.00	16.97	q
6 Nguyen Huy, Anh	18	Ha Noi	16.30	17.35	q
7 Le Khuong, Duy r:+0.92	17	Thanh Hoa	NT	17.53	q
8 Pham Nhat, Anh r:+0.86	17	Ninh Binh	17.10	17.96	q
9 Nguyen Hai, Nam	17	Quang Ninh	18.20	18.11	
10 Nguyen The, Duong	16	Dong Nai	17.00	18.23	
11 Ngo Quang, Hieu r:+0.87	17	Hai Phong	16.50	18.62	
12 Do Anh, Dung r:+0.93	17	Dong Nai	17.50	19.16	
13 Do Thanh, Thao r:+0.83	22	Quan Doi	16.80	19.24	
14 Cao Van, Manh	16	Thanh Hoa	NT	19.27	
15 Mai Nguyen, Huu Loc r:+0.84	15	Hai Phong	17.00	21.96	
16 Ha Van, Phong r:+0.91	17	Hung Yen	NT	25.52	
--- Toun, Titsatya r:+0.85	21	Cambodia	NT	X17.16	
--- Van Tien, Huy r:+0.78	17	Ha Noi	NT	X17.34	
--- Hoang Dinh, Gia Bao	13	Quan Doi	NT	X19.41	
--- Cao Ngoc, Sang	15	Thanh Hoa	NT	X20.26	
--- Tran Van, Dai	13	Ninh Binh	NT	X20.34	
--- Lo Minh, Thanh r:+0.87	13	Thanh Hoa	NT	X21.79	
--- Le Xuan, Loc r:+0.87	14	Hung Yen	NT	X22.72	
--- Nguyen Trung, Kien	36	Ha Noi	15.50	DQ	

Event 323 Women 800 LC Meter Khi tai

KLQG: 6:42.23 # 10/2015		Nguyen Thi Truc Linh		Quan Doi	
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Nguyen Thi, Hang	23	Da Nang	7:06.00	6:53.63	
22.37	46.28 (23.91)	1:11.00 (24.72)	1:36.90 (25.90)		
2:02.83 (25.93)	2:29.12 (26.29)	2:55.85 (26.73)	3:22.57 (26.72)		
3:49.46 (26.89)	4:17.18 (27.72)	4:45.32 (28.14)	5:13.52 (28.20)		
5:40.43 (26.91)	6:06.37 (25.94)	6:29.81 (23.44)	6:53.63 (23.82)		

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025

Results

(Event 323 Women 800 LC Meter Khi tai)

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
2	Thach Thi, Thao Suong	20 Quan Doi	7:00.00	6:59.36	
	23.27	48.11 (24.84)	1:13.10 (24.99)	1:38.83 (25.73)	
	2:04.73 (25.90)	2:31.08 (26.35)	2:57.21 (26.13)	3:23.69 (26.48)	
	3:50.39 (26.70)	4:17.31 (26.92)	4:44.53 (27.22)	5:10.90 (26.37)	
	5:38.15 (27.25)	6:04.13 (25.98)	6:32.10 (27.97)	6:59.36 (27.26)	
3	Nguyen Thi, Lan Vy	28 Da Nang	7:09.00	7:31.42	
	24.05	49.66 (25.61)	1:16.03 (26.37)	1:43.71 (27.68)	
	2:11.42 (27.71)	2:40.04 (28.62)	3:09.07 (29.03)	3:38.33 (29.26)	
	4:07.35 (29.02)	4:37.00 (29.65)	5:05.92 (28.92)	5:34.93 (29.01)	
	6:03.42 (28.49)	6:32.55 (29.13)	7:01.79 (29.24)	7:31.42 (29.63)	
---	Ha Phuong, Anh	16 Hai Phong	7:40.00	DQ	
	28.36				

Event 324 Men 400 LC Meter CVD

KLQG: 3:34.29 # 9/2022		Vu Dang Nhat Nam		Dong Nai	
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Vu Dang, Nhat Nam	21 Dong Nai	3:31.30	3:35.46	
	r:+0.86 25.53	53.40 (27.87)	1:21.22 (27.82)	1:48.65 (27.43)	
	2:15.80 (27.15)	2:42.98 (27.18)	3:10.04 (27.06)	3:35.46 (25.42)	
2	Nguyen Le, Truyen Dat	19 Dong Nai	3:32.00	3:37.64	
	r:+0.88 26.19	53.66 (27.47)	1:21.79 (28.13)	1:49.15 (27.36)	
	2:16.70 (27.55)	2:44.47 (27.77)	3:11.75 (27.28)	3:37.64 (25.89)	
3	Ngo Minh, Chien	18 Quang Tri	3:47.00	3:37.74	
	r:+0.83 25.13	53.06 (27.93)	1:20.99 (27.93)	1:49.00 (28.01)	
	2:16.94 (27.94)	2:44.66 (27.72)	3:12.21 (27.55)	3:37.74 (25.53)	
4	Vo Dinh, Phi	20 Hai Phong	3:40.50	3:41.44	
	r:+0.85 25.93	54.29 (28.36)	1:22.77 (28.48)	1:50.80 (28.03)	
	2:18.75 (27.95)	2:46.75 (28.00)	3:14.72 (27.97)	3:41.44 (26.72)	
5	Nguyen Nam, Khanh	17 Hai Phong	3:41.00	3:54.26	
	r:+0.93 26.69	55.42 (28.73)	1:26.36 (30.94)	1:56.13 (29.77)	
	2:25.98 (29.85)	2:55.72 (29.74)	3:25.60 (29.88)	3:54.26 (28.66)	
6	Tran Duy, Khanh	13 Hung Yen	3:55.00	4:02.04	
	r:+0.89 25.36	55.09 (29.73)	1:26.00 (30.91)	1:58.05 (32.05)	
	2:29.43 (31.38)	3:01.02 (31.59)	3:32.09 (31.07)	4:02.04 (29.95)	
7	Trinh Tien, Dat	15 Phu Tho	3:48.00	4:08.77	
	r:+0.85 27.08	57.29 (30.21)	1:28.00 (30.71)	2:00.51 (32.51)	
	2:32.72 (32.21)	3:05.77 (33.05)	3:37.51 (31.74)	4:08.77 (31.26)	
8	Pham Nhat, Anh	17 Ninh Binh	NT	4:21.93	
	r:+0.87 29.35	1:01.18 (31.83)	1:35.61 (34.43)	2:09.47 (33.86)	
	2:43.92 (34.45)	3:18.24 (34.32)	3:51.28 (33.04)	4:21.93 (30.65)	
9	Hoang Dinh, Gia Bao	13 Quan Doi	3:43.00	4:40.49	
	r:+0.91 30.17	1:04.12 (33.95)	1:40.67 (36.55)	2:17.43 (36.76)	
	2:53.74 (36.31)	3:30.17 (36.43)	4:05.36 (35.19)	4:40.49 (35.13)	
---	Vu Ngoc, Diep	17 Hai Phong	NT	X3:48.09	
	r:+0.90 24.99	53.68 (28.69)	1:22.97 (29.29)	1:52.99 (30.02)	
	2:21.86 (28.87)	2:51.36 (29.50)	3:20.30 (28.94)	3:48.09 (27.79)	
---	Vu Dai, Duong	13 Hai Phong	NT	X3:57.83	
	r:+0.91 26.16	55.18 (29.02)	1:24.86 (29.68)	1:55.57 (30.71)	
	2:26.06 (30.49)	2:57.42 (31.36)	3:28.28 (30.86)	3:57.83 (29.55)	
---	Nguyen Thanh, Toan	14 Hai Phong	NT	X4:04.62	
	r:+0.81 27.15	56.15 (29.00)	1:26.71 (30.56)	1:58.08 (31.37)	
	2:30.22 (32.14)	3:02.58 (32.36)	3:34.41 (31.83)	4:04.62 (30.21)	

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025

Results

(Event 324 Men 400 LC Meter CVD)

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
--- Nguyen Xuan, Quyet	14	Hai Phong	NT	X4:06.92	
r:+0.92 26.36	56.39 (30.03)	1:27.24 (30.85)	1:59.34 (32.10)		
2:31.36 (32.02)	3:03.95 (32.59)	3:36.03 (32.08)	4:06.92 (30.89)		
--- Nguyen Duc, Tien	17	Hai Phong	NT	XDQ	
Swimmer did not finish					
r:+0.93 26.65	55.95 (29.30)	1:26.37 (30.42)	1:57.55 (31.18)		
2:28.23 (30.68)	2:59.30 (31.07)	3:29.98 (30.68)	DQ (30.53)		
--- Mai Xuan, Anh	20	Quan Doi	3:43.00	DNF	
Swimmer did not finish					
--- Phan Le, Thien Thong	17	TP Ho Chi Minh	3:44.00	DNF	
Swimmer did not finish					

Event 325 Women 400 LC Meter CVD

KLQG: 3:53.45 # 20/10/2023 Thanh Van Le Thi			HDG		
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Le Thi, Thanh Van	21	Hai Phong	3:59.00	4:00.09	
r:+0.94 27.92	58.04 (30.12)	1:28.18 (30.14)	1:59.28 (31.10)		
2:29.20 (29.92)	3:00.03 (30.83)	3:30.54 (30.51)	4:00.09 (29.55)		
2 Do Nguyen Thuy, Linh	16	Cong An Nhan Dan	3:57.00	4:00.37	
r:+0.87 28.51	59.36 (30.85)	1:30.11 (30.75)	2:01.08 (30.97)		
2:31.54 (30.46)	3:01.77 (30.23)	3:31.87 (30.10)	4:00.37 (28.50)		
3 Truong Thi, Thuy Le	18	Ninh Binh	NT	4:04.01	
r:+0.79 26.51	56.51 (30.00)	1:27.28 (30.77)	1:58.74 (31.46)		
2:30.07 (31.33)	3:01.76 (31.69)	3:33.57 (31.81)	4:04.01 (30.44)		
4 Do Thi, Tuyet Mai	18	Hai Phong	3:55.00	4:06.08	
r:+0.85 28.46	59.55 (31.09)	1:30.30 (30.75)	2:01.19 (30.89)		
2:32.29 (31.10)	3:03.75 (31.46)	3:35.50 (31.75)	4:06.08 (30.58)		
5 Thach Thi, Diem My	18	Dong Nai	4:00.00	4:09.88	
r:+0.88 28.76	1:00.05 (31.29)	1:31.18 (31.13)	2:03.06 (31.88)		
2:34.18 (31.12)	3:06.56 (32.38)	3:38.62 (32.06)	4:09.88 (31.26)		
6 Pham Thi, Ngoc Anh	13	Hung Yen	4:12.00	4:19.11	
r:+0.95 28.62	1:00.73 (32.11)	1:33.63 (32.90)	2:08.06 (34.43)		
2:41.16 (33.10)	3:14.85 (33.69)	3:48.37 (33.52)	4:19.11 (30.74)		
7 Nguyen Thanh, Tra	16	Phu Tho	3:56.00	4:20.36	
r:+0.94 30.03	1:02.37 (32.34)	1:35.73 (33.36)	2:08.95 (33.22)		
2:42.28 (33.33)	3:15.29 (33.01)	3:48.18 (32.89)	4:20.36 (32.18)		
8 Dang Thi, Nhung	14	Quang Ninh	NT	4:20.70	
r:+0.89 29.59	1:02.01 (32.42)	1:35.44 (33.43)	2:09.01 (33.57)		
2:42.23 (33.22)	3:16.17 (33.94)	3:49.13 (32.96)	4:20.70 (31.57)		
9 Nguyen Thi, Minh Ha	16	Quan Doi	4:00.00	4:30.67	
r:+0.93 29.99	1:02.78 (32.79)	1:36.71 (33.93)	2:10.86 (34.15)		
2:45.89 (35.03)	3:20.87 (34.98)	3:56.64 (35.77)	4:30.67 (34.03)		
10 Luong Thao, Nguyen	13	Hung Yen	NT	4:52.82	
r:+0.96 30.46	1:05.17 (34.71)	1:41.85 (36.68)	2:19.62 (37.77)		
2:58.03 (38.41)	3:37.15 (39.12)	4:15.87 (38.72)	4:52.82 (36.95)		
11 Phi Phuong, Thao	14	Ha Noi	4:25.00	4:56.07	
r:+0.89 31.25	1:05.85 (34.60)	1:42.43 (36.58)	2:21.01 (38.58)		
2:59.95 (38.94)	3:39.29 (39.34)	4:18.46 (39.17)	4:56.07 (37.61)		
--- Kaing, Muynin	19	Cambodia	NT	X4:10.49	
r:+0.91 27.55	57.67 (30.12)	1:28.93 (31.26)	2:00.67 (31.74)		
2:33.25 (32.58)	3:06.54 (33.29)	3:39.41 (32.87)	4:10.49 (31.08)		
--- Hoang Thi, Kieu Mai	17	Hai Phong	NT	X4:18.25	
r:+0.95 28.97	1:00.35 (31.38)	1:32.32 (31.97)	2:04.73 (32.41)		
2:37.64 (32.91)	3:11.27 (33.63)	3:44.92 (33.65)	4:18.25 (33.33)		

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025

Results

(Event 325 Women 400 LC Meter CVD)

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
--- Nguyen Anh, Thu	15	Ninh Binh	NT	DQ	
Swimmer did not finish					
r:+0.92 27.72	58.65 (30.93)				
--- Hoang Thi, Kim Ngan	11	Thanh Hoa	NT	XNS	
--- Vu Luu, Bao Ngoc	15	Thanh Hoa	NT	NS	

Event 326 Men 800 LC Meter Khi tai

KLQG: 6:07.39 # 08/12/2022		Quy Don Le		QDI	
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Tran Cong, Tu	22	Quan Doi	6:10.00	6:17.54	
21.98	44.41 (22.43)	1:06.78 (22.37)	1:29.45 (22.67)		
1:52.63 (23.18)	2:16.60 (23.97)	2:40.80 (24.20)	3:04.90 (24.10)		
3:29.88 (24.98)	3:55.05 (25.17)	4:19.48 (24.43)	4:43.69 (24.21)		
5:07.20 (23.51)	5:31.02 (23.82)	5:55.06 (24.04)	6:17.54 (22.48)		
2 Nguyen Duy, Anh	22	Da Nang	NT	6:24.66	
22.17	46.44 (24.27)	1:10.81 (24.37)	1:35.52 (24.71)		
2:00.05 (24.53)	2:24.60 (24.55)	2:49.49 (24.89)	3:14.92 (25.43)		
3:38.43 (23.51)	4:02.42 (23.99)	4:26.35 (23.93)	4:50.63 (24.28)		
5:14.15 (23.52)	5:37.79 (23.64)	6:01.43 (23.64)	6:24.66 (23.23)		
3 Dang Nguyen, Long Nhat	19	Da Nang	6:20.00	6:32.72	
23.09	47.32 (24.23)	1:11.29 (23.97)	1:36.60 (25.31)		
2:01.52 (24.92)	2:26.85 (25.33)	2:52.17 (25.32)	3:17.57 (25.40)		
3:41.82 (24.25)	4:06.88 (25.06)	4:31.31 (24.43)	4:56.17 (24.86)		
5:20.02 (23.85)	5:44.37 (24.35)	6:08.68 (24.31)	6:32.72 (24.04)		
--- Luu Nguyen, Duc Tam	28	TP Ho Chi Minh	6:10.00	DQ	
Swimmer did not finish					
--- Mai Xuan, Anh	20	Quan Doi	6:18.00	DNF	
Swimmer did not finish					
24.51	50.76 (26.25)				
--- Vu Hai, Nam	18	Hai Phong	6:45.00	DNF	
Swimmer did not finish					
--- Nguyen Tien, Dat	22	TP Ho Chi Minh	6:30.00	DNF	
Swimmer did not finish					

Event 327 Women 4x200 LC Meter VHCV Relay

KLQG: 6:15.07 # 12/2018		Tam, Thuong, Hang, Vy		Da Nang	
Team	Relay	Seed Time	Finals Time	Points	
1 Da Nang	A	NT	6:25.15		
1) Nguyen Hoai, Thuong 23	2) r:0.49 Nguyen Thi, Lan Vy 28	3) r:0.26 Nguyen Thi, Hang 23	4) r:0.13 Nguyen Nhat, Le Nguyen		
r:+0.96 22.00	45.88 (45.88)	1:10.79 (1:10.79)	1:36.84 (1:36.84)		
1:58.71 (21.87)	2:23.02 (46.18)	2:47.45 (1:10.61)	3:13.24 (1:36.40)		
3:34.06 (20.82)	3:57.79 (44.55)	4:22.64 (1:09.40)	4:49.09 (1:35.85)		
5:10.02 (20.93)	5:33.86 (44.77)	5:58.69 (1:09.60)	6:25.15 (1:36.06)		
2 Ha Noi	A	NT	6:27.13		
1) Tran Thi, Huyen Trang 25	2) r:0.17 Tran Phuong, Minh 24	3) r:0.30 Luu Ngoc, Minh Trang 15	4) r:0.44 Dang Thi, Vuong 19		
r:+0.87 22.03	45.63 (45.63)	1:10.62 (1:10.62)	1:36.43 (1:36.43)		
1:57.97 (21.54)	2:22.87 (46.44)	2:49.32 (1:12.89)	3:16.22 (1:39.79)		
3:36.00 (19.78)	3:59.89 (43.67)	4:26.82 (1:10.60)	4:53.67 (1:37.45)		
5:13.89 (20.22)	5:36.92 (43.25)	6:01.41 (1:07.74)	6:27.13 (1:33.46)		

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025

Results

(Event 327 Women 4x200 LC Meter VHCV Relay)

Team	Relay	Seed Time	Finals Time	Points
3 Quang Ninh	A	NT	6:29.31	
1) Trieu Thi, Uyen 15	2) r:0.32 Nguyen Thi, Thuy Dung B) r:0.34 Nguyen Thi, Thanh Thi 14) r:0.49 Dang Thi, Tam 14			
r:+0.90 21.36	45.48 (45.48) 1:11.48 (1:11.48)	1:37.97 (1:37.97)		
2:00.04 (22.07)	2:24.28 (46.31) 2:50.50 (1:12.53)	3:16.27 (1:38.30)		
3:37.49 (21.22)	4:01.00 (44.73) 4:26.84 (1:10.57)	4:52.21 (1:35.94)		
5:13.30 (21.09)	5:37.51 (45.30) 6:03.53 (1:11.32)	6:29.31 (1:37.10)		
4 Quang Tri	A	NT	7:05.29	
1) Nguyen Thi, Hang Nga 13	2) r:0.49 Phan Thi, Thuy Suong 17) r:0.44 Tran Thi, Yen Trang 15 4) r:0.44 Hoang Thi, Kim Oanh 14			
r:+0.89 26.01	53.91 (53.91) 1:22.36 (1:22.36)	1:50.41 (1:50.41)		
2:14.06 (23.65)	2:40.24 (49.83) 3:07.64 (1:17.23)	3:34.37 (1:43.96)		
3:57.66 (23.29)	4:24.41 (50.04) 4:52.38 (1:18.01)	5:19.03 (1:44.66)		
5:43.40 (24.37)	6:09.94 (50.91) 6:37.76 (1:18.73)	7:05.29 (1:46.26)		
5 Hung Yen	A	NT	8:43.92	
1) Pham Thi, Hong Diep 21	2) r:0.58 Trinh Thi, Ngoc Anh 16 3) r:0.38 Luong Thao, Nguyen 13 4) r:0.75 Pham Thi, Ngoc Anh 13			
r:+0.97 30.91	1:04.34 (1:04.34) 1:37.20 (1:37.20)	2:08.45 (2:08.45)		
2:39.15 (30.70)	3:11.74 (1:03.29) 3:44.34 (1:35.89)	4:15.93 (2:07.48)		
4:46.49 (30.56)	5:21.25 (1:05.32) 5:55.91 (1:39.98)	6:30.18 (2:14.25)		
7:00.42 (30.24)	7:35.24 (1:05.06) 8:09.86 (1:39.68)	8:43.92 (2:13.74)		

Event 328 Men 4x200 LC Meter VHCV Relay

KLQG: 5:43.26 # 12/2017 Kien, Toan, loc, Thien				Doi Tuyen
Team	Relay	Seed Time	Finals Time	Points
1 TP Ho Chi Minh	A	NT	5:45.38	
1) Do Dinh, Toan 28	2) r:0.44 Pham Le, Minh Phuc 21 3) r:0.31 Huynh Quoc, Bao 17 4) r:0.37 Nguyen Thanh, Loc 30			
r:+0.97 20.04	42.02 (42.02) 1:04.34 (1:04.34)	1:27.08 (1:27.08)		
1:46.30 (19.22)	2:07.31 (40.23) 2:30.27 (1:03.19)	2:54.07 (1:26.99)		
3:12.93 (18.86)	3:33.60 (39.53) 3:55.34 (1:01.27)	4:18.03 (1:23.96)		
4:37.32 (19.29)	4:58.82 (40.79) 5:22.14 (1:04.11)	5:45.38 (1:27.35)		
2 Ha Noi	A	NT	5:48.86	
1) Nguyen Huy, Anh 18	2) r:0.24 Van Tien, Huy 17 3) r:0.24 Nguyen Tung, Lam 14 4) r:0.44 Dang Phu, Quoc 19			
r:+0.82 18.75	39.85 (39.85) 1:01.81 (1:01.81)	1:24.44 (1:24.44)		
1:44.68 (20.24)	2:06.65 (42.21) 2:29.31 (1:04.87)	2:52.99 (1:28.55)		
3:13.48 (20.49)	3:36.62 (43.63) 4:01.04 (1:08.05)	4:25.01 (1:32.02)		
4:43.49 (18.48)	5:04.10 (39.09) 5:26.18 (1:01.17)	5:48.86 (1:23.85)		
3 Quan Doi	A	NT	5:52.07	
1) Kim Anh, Kiet 21	2) r:0.21 Vo Vi, Tuong 17 3) r:0.04 Mai Xuan, Anh 20 4) r:0.21 Tran Cong, Tu 22			
r:+0.96 19.90	40.83 (40.83) 1:02.40 (1:02.40)	1:25.05 (1:25.05)		
1:44.24 (19.19)	2:05.82 (40.77) 2:28.76 (1:03.71)	2:52.90 (1:27.85)		
3:12.98 (20.08)	3:34.70 (41.80) 3:57.86 (1:04.96)	4:22.49 (1:29.59)		
4:42.89 (20.40)	5:05.22 (42.73) 5:28.71 (1:06.22)	5:52.07 (1:29.58)		
4 Da Nang	A	NT	5:59.76	
1) Nguyen Van, Tai 17	2) r:0.29 Nguyen Duy, Anh 22 3) r:0.36 Vo Van, Vuong 19 4) r:0.40 Vu Sinh, Hung 17			
r:+0.82 20.92	43.44 (43.44) 1:06.61 (1:06.61)	1:30.84 (1:30.84)		
1:51.56 (20.72)	2:12.90 (42.06) 2:35.84 (1:05.00)	2:59.03 (1:28.19)		
3:18.89 (19.86)	3:41.36 (42.33) 4:06.23 (1:07.20)	4:32.30 (1:33.27)		
4:50.42 (18.12)	5:12.11 (39.81) 5:35.46 (1:03.16)	5:59.76 (1:27.46)		

Event 329 Mixed 4x100 LC Meter SB Relay

Team	Relay	Seed Time	Finals Time	Points
1 Dong Nai	A	NT	2:54.02	
1) Vu Dang, Nhat Nam M21	2) r:0.30 Le Thi, Thanh Tuyen W16) r:0.04 Nguyen The, Duong M16) r:0.21 Tran Thi, Hoai Thuong W			
r:+0.85 21.97	44.21 (44.21) 1:07.64 (23.43)	1:33.93 (49.72)		
1:51.65 (17.72)	2:11.26 (37.33) 2:31.03 (19.77)	2:54.02 (42.76)		

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025

Results

(Event 329 Mixed 4x100 LC Meter SB Relay)

Team		Relay	Seed Time	Finals Time	Points
2	Quan Doi	A	NT	2:55.24	
	1) Do Thanh, Thao M22	2) r:0.36 Nguyen Thi, Minh Ha W13	r:0.37 Truong Minh, Quan M21	4) r:0.31 Nguyen Thi, Hong Nhung	
	r:+0.78 21.97	46.08 (46.08)	1:10.57 (24.49)	1:37.50 (51.42)	
	1:54.02 (16.52)	2:13.65 (36.15)	2:33.12 (19.47)	2:55.24 (41.59)	
3	Hai Phong	A	NT	2:57.14	
	1) Vo Dinh, Phi M20	2) r:0.51 Le Thi, Thanh Van W21	3) r:0.39 Ngo Quang, Hieu M17	4) r:0.30 Pham Thi, Thu W24	
	r:+0.82 22.40	45.44 (45.44)	1:09.53 (24.09)	1:35.66 (50.22)	
	1:54.07 (18.41)	2:14.83 (39.17)	2:34.61 (19.78)	2:57.14 (42.31)	
4	Ninh Binh	A	NT	3:00.04	
	1) Nguyen Van, Thanh M19	2) r:0.57 Nguyen Anh, Thu W15	3) r:0.33 Pham Gia, Khiem M20	4) r:0.45 Tran Thi, Thanh Thuy W1	
	r:+0.85 22.63	46.76 (46.76)	1:10.92 (24.16)	1:37.65 (50.89)	
	1:52.97 (15.32)	2:15.64 (37.99)	2:36.39 (20.75)	3:00.04 (44.40)	
5	TP Ho Chi Minh	A	NT	3:07.59	
	1) Dang Gia, Huan M19	2) r:0.20 Tran Bao, An W15	3) r:0.23 Chau Hi, Lac M17	4) r:0.58 Ho Ngoc, Tuong Lam W1	
	r:+0.86 22.42	46.60 (46.60)	1:13.43 (26.83)	1:43.16 (56.56)	
	2:00.84 (17.68)	2:22.16 (39.00)	2:44.23 (22.07)	3:07.59 (45.43)	
6	Ha Noi	A	NT	3:12.43	
	1) Nguyen Duc, Hieu M17	2) r:0.37 Phi Phuong, Thao W14	3) r:0.31 Le Vu, Duy Chien M14	4) r:0.28 Phi Thi, Tuong Vi W15	
	r:+0.77 23.86	49.72 (49.72)	1:16.29 (26.57)	1:47.93 (58.21)	
	2:06.69 (18.76)	2:27.99 (40.06)	2:48.96 (20.97)	3:12.43 (44.44)	
---	Thanh Hoa	A	NT	DQ	
	1) Cao Van, Manh M16	2) r:0.26 Ha Thi, Bac W13	3) r:0.49 Le Nam, Sang M12	4) r:0.38 Vu Luu, Bao Ngoc W15	
	r:+0.89 20.25	42.44 (42.44)	1:05.13 (22.69)	1:31.21 (48.77)	
	1:56.77 (25.56)	2:27.25 (56.04)	2:52.83 (25.58)	DQ (54.19)	

Event 430 Women 50 LC Meter Nin tho

KLQG: 16.15 # 12/2014		Hoang Thu Phuong		Ha Noi		
Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points	
Finals						
1 Nguyen Thi, Lan Vy	28	Da Nang	16.99	16.88		
r:+0.84						
2 Tran Thi, Huyen Trang	25	Ha Noi	17.57	17.26		
r:+0.85						
3 Dang Thi, Vuong	19	Ha Noi	17.71	17.27		
r:+0.85						
4 Tran Bao, An	15	TP Ho Chi Minh	18.07	17.75		
r:+0.87						
5 Nguyen Kieu, Oanh	18	Phu Tho	18.55	18.18		
r:+0.92						
6 Thach Thi, Thao Suong	20	Quan Doi	18.39	18.22		
r:+0.97						
7 Dang Thi, Tam	14	Quang Ninh	18.66	18.41		
r:+0.90						
8 Ha Phuong, Anh	16	Hai Phong	18.64	18.47		
r:+0.89						

Event 430 Women 50 LC Meter Nin tho

KLQG: 16.15 # 12/2014		Hoang Thu Phuong		Ha Noi		
Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time		
Preliminaries						
1 Nguyen Thi, Lan Vy	28	Da Nang	18.00	16.99	q	
r:+0.88						
2 Tran Thi, Huyen Trang	25	Ha Noi	17.50	17.57	q	
r:+0.91						

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025

Results

Preliminaries ... (Event 430 Women 50 LC Meter Nin tho)

	Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
3	Dang Thi, Vuong r:+0.86	19	Ha Noi	18.00	17.71	q
4	Tran Bao, An r:+0.88	15	TP Ho Chi Minh	17.30	18.07	q
5	Thach Thi, Thao Suong r:+0.95	20	Quan Doi	17.00	18.39	q
6	Pham Thi, Thu r:+0.99	24	Hai Phong	16.50	18.48	q
7	Nguyen Kieu, Oanh r:+0.95	18	Phu Tho	17.00	18.55	q
8	Ha Phuong, Anh r:+0.96	16	Hai Phong	17.50	18.64	q
9	Dang Thi, Tam r:+0.94	14	Quang Ninh	18.00	18.66	
10	Le Thi, Nhung r:+0.95	16	Thanh Hoa	NT	18.79	
11	Nguyen Thi, Minh Ha r:+0.89	16	Quan Doi	17.00	19.07	
12	Nguyen Thi, Thuy Dung r:+0.93	19	Quang Ninh	18.00	19.23	
13	Le Bao, Thy r:+0.88	16	Ninh Binh	18.00	19.37	
14	Trinh Thi, Ngoc Anh r:+0.94	16	Hung Yen	NT	19.44	
15	Tran Thi, Hoai Thuong	17	Dong Nai	18.00	21.66	
16	Hoang Nguyen, Thao Nhi r:+0.99	18	Da Nang	17.50	21.93	
17	Do Hong, Tuoi r:+0.95	16	Hung Yen	NT	24.22	
---	Kaing, Muynin r:+0.86	19	Cambodia	NT	X18.10	
---	Dang Thi, Nhung r:+0.95	14	Quang Ninh	NT	X20.14	
---	Luong Thi, Ngoc Anh r:+0.94	16	Ninh Binh	NT	X21.43	
---	Hoang Ha, Binh Minh r:+0.85	13	Quang Ninh	NT	X22.32	
---	Mac Le, Hieu Dan	13	Quang Ninh	NT	XDQ	

Event 431 Men 50 LC Meter Nin tho

KLQG: 14.30 # 7/2019

Nguyen Thanh Loc

TP Ho Chi Minh

	Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
Finals						
1	Nguyen Thanh, Loc r:+0.84	30	TP Ho Chi Minh	14.88	14.16#	
2	Truong Minh, Quan r:+0.85	21	Quan Doi	15.00	14.67	
3	Le Dang, Duc Viet r:+0.84	20	Ha Noi	14.90	14.84	
4	Tran Duy, Bao r:+0.80	15	Hung Yen	15.12	14.94	
5	Le Khuong, Duy r:+0.89	17	Thanh Hoa	16.06	15.71	

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025

Results

Finals ... (Event 431 Men 50 LC Meter Nin tho)

	Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
6	Vu Hai, Nam r:+0.90	18	Hai Phong	15.75	16.11	
---	Do Dinh, Toan Swimmer did not finish - Misc r:+0.92	28	TP Ho Chi Minh	15.13	DNF	
---	Cao Van, Manh	16	Thanh Hoa	17.43	NS	

Event 431 Men 50 LC Meter Nin tho

KLQG: 14.30 # 7/2019

Nguyen Thanh Loc

TP Ho Chi Minh

	Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
Preliminaries						
1	Nguyen Thanh, Loc r:+0.89	30	TP Ho Chi Minh	13.90	14.88	q
2	Le Dang, Duc Viet r:+0.88	20	Ha Noi	14.50	14.90	q
3	Truong Minh, Quan r:+0.85	21	Quan Doi	15.00	15.00	q
4	Tran Duy, Bao r:+0.80	15	Hung Yen	14.50	15.12	q
5	Do Dinh, Toan r:+0.87	28	TP Ho Chi Minh	14.00	15.13	q
6	Vu Hai, Nam r:+0.91	18	Hai Phong	15.10	15.75	q
7	Le Khuong, Duy r:+0.91	17	Thanh Hoa	NT	16.06	q
8	Nguyen Duy, Anh r:+0.89	22	Da Nang	15.02	16.69	q
9	Cao Van, Manh r:+0.86	16	Thanh Hoa	NT	17.43	
10	Do Anh, Dung	17	Dong Nai	17.00	17.99	
11	Do Thanh, Thao r:+0.82	22	Quan Doi	15.50	18.07	
12	Nguyen Thanh, Toan r:+0.89	14	Hai Phong	16.50	18.52	
13	Nguyen The, Duong r:+0.89	16	Dong Nai	16.30	19.05	
14	Ha Van, Phong r:+0.90	17	Hung Yen	16.80	19.67	
---	Chau Hi, Lac r:+0.79	17	TP Ho Chi Minh	NT	X15.54	
---	Toun, Titsatya r:+0.83	21	Cambodia	NT	X15.91	
---	Van Tien, Huy r:+0.86	17	Ha Noi	NT	X16.06	
---	Le Xuan, Loc r:+0.78	14	Hung Yen	NT	X21.32	
---	Pham Nhat, Anh r:+0.95	17	Ninh Binh	16.50	DQ	
---	Nguyen Trung, Kien	36	Ha Noi	14.50	NS	

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025

Results

Event 432 Women 50 LC Meter CVD

KLQG:		22.06	#	08/12/2022	Thi Thao Nguyen	NDH		
Name				Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
Finals	1	Cao Thi, Duyen		24	Thanh Hoa	24.29	22.79	
		r:+0.82						
	2	Le Thi, Thanh Tuyen		16	Dong Nai	23.34	22.92	
		r:+0.82						
	3	Pham Thi, Thu		24	Hai Phong	23.36	23.06	
		r:+0.84						
	4	Nguyen Anh, Thu		15	Ninh Binh	23.61	23.44	
		r:+0.87						
5	Le Thi, Thanh Van		21	Hai Phong	23.99	23.79		
	r:+0.90							
6	Pham Chau, Hai Anh		14	Cong An Nhan Dan	24.29	23.94		
	r:+0.86							
7	Nguyen Thanh, Tra		16	Phu Tho	23.98	23.98		
	r:+0.85							
8	Nguyen Thi, Minh Ha		16	Quan Doi	24.36	24.19		
	r:+0.88							

Event 432 Women 50 LC Meter CVD

KLQG:		22.06	#	08/12/2022	Thi Thao Nguyen	NDH	
Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time			
Preliminaries							
1	Le Thi, Thanh Tuyen r:+0.84	16	Dong Nai	22.30	23.34	q	
2	Pham Thi, Thu r:+0.85	24	Hai Phong	22.00	23.36	q	
3	Nguyen Anh, Thu r:+0.84	15	Ninh Binh	22.80	23.61	q	
4	Nguyen Thanh, Tra r:+0.83	16	Phu Tho	23.20	23.98	q	
5	Le Thi, Thanh Van r:+0.92	21	Hai Phong	21.99	23.99	q	
*6	Pham Chau, Hai Anh r:+0.78	14	Cong An Nhan Dan	23.00	24.29	q	
*6	Cao Thi, Duyen r:+0.81	24	Thanh Hoa	21.60	24.29	q	
8	Nguyen Thi, Minh Ha r:+0.84	16	Quan Doi	23.00	24.36	q	
9	Vu Luu, Bao Ngoc r:+0.84	15	Thanh Hoa	NT	24.64		
10	Dang Thi, Nhung r:+0.87	14	Quang Ninh	NT	24.66		
11	Luu Thi, Duong r:+0.90	12	Ninh Binh	NT	24.71		
12	Dang Thi, Vuong r:+0.84	19	Ha Noi	22.80	25.63		
13	Nguyen Thi, Hong Nhung r:+0.81	16	Quan Doi	23.00	25.91		
14	Thach Thi, Diem My r:+0.91	18	Dong Nai	23.00	27.28		

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025

Results

Preliminaries ... (Event 432 Women 50 LC Meter CVD)

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time
15 Do Nguyen Thuy, Linh r:+0.85	16	Cong An Nhan Dan	23.00	29.55
16 Tran Phuong, Minh r:+0.82	24	Ha Noi	23.50	33.15
--- Do Thi, Tuyet Mai r:+0.80	18	Hai Phong	NT	X24.04
--- Tran Thi, Thanh Thuy r:+0.82	13	Ninh Binh	NT	X24.87
--- Truong Thi, Thuy Le r:+0.85	18	Ninh Binh	NT	X25.14
--- Hoang Thi, Kieu Mai r:+0.88	17	Hai Phong	NT	X25.18
--- Le Bao, Thy r:+0.96	16	Ninh Binh	NT	X25.31
--- Le Ngoc, Tuong Vi	14	Ninh Binh	NT	X26.17
--- Hoang Thi, Kim Ngan r:+0.86	11	Thanh Hoa	NT	X26.19
--- Phi Phuong, Thao r:+0.88	14	Ha Noi	NT	X26.43
--- Dao Thi, Khanh Ly r:+0.97	12	Hung Yen	NT	X27.33

Event 433 Men 50 LC Meter CVD

KLQG: 19.48 # 7/2017		Ngo Phuc Sang		TP Ho Chi Minh		
Name		Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
Finals						
1	Vu Dang, Nhat Nam r:+0.84	21	Dong Nai	20.31	20.02	
2	Nguyen Thanh, Tung r:+0.76	17	Quan Doi	20.69	20.22	
3	Nguyen Van, Thanh r:+0.81	19	Ninh Binh	21.00	20.42	
4	Vo Dinh, Phi r:+0.79	20	Hai Phong	20.75	20.53	
5	Nguyen Thanh, Chanh r:+0.71	19	Dong Nai	20.74	20.55	
6	Dang Trong, Minh r:+0.76	19	Thanh Hoa	20.86	20.62	
7	Le Van, Chieu r:+0.77	16	Da Nang	21.19	20.83	
8	Le Trung, Hieu r:+0.86	21	Hai Phong	21.45	21.38	

Event 433 Men 50 LC Meter CVD

KLQG: 19.48 # 7/2017		Ngo Phuc Sang		TP Ho Chi Minh		
Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time		
Preliminaries						
1 Vu Dang, Nhat Nam r:+0.83	21	Dong Nai	19.00	20.31	q	
2 Nguyen Thanh, Tung r:+0.80	17	Quan Doi	20.00	20.69	q	
3 Nguyen Thanh, Chanh r:+0.77	19	Dong Nai	19.75	20.74	q	

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025**Results****Preliminaries ... (Event 433 Men 50 LC Meter CVD)**

	Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
4	Vo Dinh, Phi r:+0.83	20	Hai Phong	20.50	20.75	q
5	Dang Trong, Minh r:+0.75	19	Thanh Hoa	19.60	20.86	q
6	Nguyen Van, Thanh r:+0.82	19	Ninh Binh	20.33	21.00	q
7	Le Van, Chieu r:+0.77	16	Da Nang	20.00	21.19	q
8	Le Trung, Hieu r:+0.90	21	Hai Phong	21.00	21.45	q
9	Trinh Tien, Dat r:+0.77	15	Phu Tho	21.00	21.61	
10	Dang Gia, Huan r:+0.83	19	TP Ho Chi Minh	20.90	21.63	
11	Pham Nhat, Anh r:+0.76	17	Ninh Binh	20.96	21.75	
12	Ngo Dinh, Chuyen r:+0.82	24	Quang Ninh	20.40	22.04	
13	Vu Van, Bac r:+0.85	23	Phu Tho	20.20	22.11	
14	Tran Duy, Khanh r:+0.85	13	Hung Yen	21.50	22.29	
15	Tran Hoang, Anh r:+0.85	13	Quang Tri	22.00	22.65	
16	Ngo Tri, Tam r:+0.77	14	Nghe An	21.00	23.42	
17	Le Xuan, Loc r:+0.77	14	Hung Yen	NT	23.73	
18	Le Vu, Duy Chien r:+0.88	14	Ha Noi	22.50	23.77	
19	Le Nam, Sang r:+0.79	12	Thanh Hoa	NT	24.19	
20	Le Dang, Duc Viet r:+0.86	20	Ha Noi	20.50	24.38	
---	Pham Thanh, Nam r:+0.82	16	Dong Nai	NT	X21.12	
---	Nguyen Nam, Khanh r:+0.88	17	Hai Phong	NT	X21.15	
---	Nguyen Duc, Tien r:+0.90	17	Hai Phong	NT	X21.74	
---	Tran Van, Dai r:+0.79	13	Ninh Binh	NT	X21.80	
---	Vu Ngoc, Diep r:+0.87	17	Hai Phong	NT	X21.83	
---	Nguyen Thanh, Toan r:+0.76	14	Hai Phong	NT	X23.65	
---	Nguyen Xuan, Quyet r:+0.87	14	Hai Phong	NT	X23.74	
---	Bui Hoang, Long r:+0.97	13	Hung Yen	NT	X24.86	
---	Do Thanh, Thao Broke Stroke Cycle r:+0.76	22	Quan Doi	21.00	DQ	

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025

Results

Event 434 Women 200 LC Meter Khi tai

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Nguyen Thi, Hang	23	Da Nang	1:25.00	1:26.72	
20.50	42.34 (21.84)	1:04.64 (22.30)	1:26.72 (22.08)		
2 Thach Thi, Thao Suong	20	Quan Doi	1:26.00	1:29.30	
20.56	42.65 (22.09)	1:06.04 (23.39)	1:29.30 (23.26)		
3 Nguyen Thi, Lan Vy	28	Da Nang	1:26.00	1:31.86	
22.22	45.26 (23.04)	1:08.25 (22.99)	1:31.86 (23.61)		
4 Ha Phuong, Anh	16	Hai Phong	1:28.00	1:35.24	
22.19	45.20 (23.01)	1:10.13 (24.93)	1:35.24 (25.11)		
5 Phi Thi, Tuong Vi	15	Ha Noi	1:35.00	1:40.29	
r:+0.94 22.74	47.65 (24.91)	1:14.41 (26.76)	1:40.29 (25.88)		
--- Trinh Thi, Ngoc Anh	16	Hung Yen	NT	DNF	
Swimmer did not finish					
--- Pham Thi, Thu	24	Hai Phong	1:28.00	DNF	
Swimmer did not finish					

Event 435 Men 200 LC Meter Khi tai

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Truong Minh, Quan	21	Quan Doi	1:12.00	1:13.56	
17.61	35.66 (18.05)	54.15 (18.49)	1:13.56 (19.41)		
2 Do Dinh, Toan	28	TP Ho Chi Minh	1:15.00	1:14.54	
r:+0.97 17.41	35.79 (18.38)	55.21 (19.42)	1:14.54 (19.33)		
3 Vu Sinh, Hung	17	Da Nang	1:20.00	1:23.09	
19.04	39.38 (20.34)	1:00.95 (21.57)	1:23.09 (22.14)		
4 Vu Hai, Nam	18	Hai Phong	1:19.00	1:33.65	
20.25	42.92 (22.67)	1:07.85 (24.93)	1:33.65 (25.80)		
--- Nguyen Duy, Anh	22	Da Nang	1:16.00	DQ	
Swimmer did not finish					
18.66	37.73 (19.07)	57.09 (19.36)	DQ (19.36)		
--- Tran Cong, Tu	22	Quan Doi	1:14.00	DQ	
--- Nguyen Tien, Dat	22	TP Ho Chi Minh	1:17.00	DNF	
Swimmer did not finish					

Event 436 Women 800 LC Meter VHCV

KLQG: 6:58.51 # 12/2018			Tran T Trang Diem		Quang Binh	
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points	
1 Nguyen Tu, Anh	18	Nghe An	7:06.00	7:12.22		
r:+0.85 24.39	51.14 (26.75)	1:18.70 (27.56)	1:47.10 (28.40)			
2:15.22 (28.12)	2:43.28 (28.06)	3:11.08 (27.80)	3:38.70 (27.62)			
4:05.56 (26.86)	4:32.24 (26.68)	4:59.28 (27.04)	5:26.61 (27.33)			
5:53.89 (27.28)	6:21.14 (27.25)	6:47.48 (26.34)	7:12.22 (24.74)			
2 Nguyen Thi, Thanh Thi	16	Quang Ninh	7:05.00	7:25.25		
r:+0.81 24.86	51.65 (26.79)	1:19.19 (27.54)	1:47.33 (28.14)			
2:15.55 (28.22)	2:43.37 (27.82)	3:11.34 (27.97)	3:39.07 (27.73)			
4:07.10 (28.03)	4:35.03 (27.93)	5:03.07 (28.04)	5:31.53 (28.46)			
5:59.89 (28.36)	6:29.20 (29.31)	6:57.44 (28.24)	7:25.25 (27.81)			
3 Tran Thi, Yen Trang	15	Quang Tri	7:29.00	7:25.89		
r:+0.92 24.80	52.06 (27.26)	1:19.48 (27.42)	1:47.76 (28.28)			
2:16.41 (28.65)	2:44.89 (28.48)	3:13.05 (28.16)	3:41.69 (28.64)			
4:10.09 (28.40)	4:38.78 (28.69)	5:07.60 (28.82)	5:36.16 (28.56)			
6:04.29 (28.13)	6:32.43 (28.14)	6:59.90 (27.47)	7:25.89 (25.99)			

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025

Results

(Event 436 Women 800 LC Meter VHCV)

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
4	Nguyen Thanh, Thuy	16	Quang Ninh	NT	7:31.73	
	25.84	53.17 (27.33)	1:20.07 (26.90)	1:47.52 (27.45)		
	2:15.50 (27.98)	2:43.91 (28.41)	3:12.59 (28.68)	3:41.41 (28.82)		
	4:10.05 (28.64)	4:39.17 (29.12)	5:08.52 (29.35)	5:37.70 (29.18)		
	6:06.96 (29.26)	6:36.18 (29.22)	7:04.45 (28.27)	7:31.73 (27.28)		
5	Pham Thi, Hong Diep	21	Hung Yen	7:09.00	7:32.34	
	r:+0.99 25.93	53.33 (27.40)	1:20.84 (27.51)	1:48.31 (27.47)		
	2:15.90 (27.59)	2:43.73 (27.83)	3:11.76 (28.03)	3:40.52 (28.76)		
	4:09.03 (28.51)	4:37.97 (28.94)	5:07.52 (29.55)	5:37.09 (29.57)		
	6:05.67 (28.58)	6:35.79 (30.12)	7:04.48 (28.69)	7:32.34 (27.86)		
6	Hoang Thi, Kim Oanh	14	Quang Tri	7:41.19	7:38.11	
	r:+0.95 25.19	53.18 (27.99)	1:21.75 (28.57)	1:50.71 (28.96)		
	2:19.61 (28.90)	2:48.39 (28.78)	3:17.13 (28.74)	3:46.02 (28.89)		
	4:15.33 (29.31)	4:44.44 (29.11)	5:13.68 (29.24)	5:43.22 (29.54)		
	6:12.50 (29.28)	6:41.73 (29.23)	7:10.30 (28.57)	7:38.11 (27.81)		
7	Ho Ngoc, Tuong Lam	15	TP Ho Chi Minh	7:30.00	7:39.50	
	r:+0.99 25.81	54.00 (28.19)	1:22.30 (28.30)	1:51.45 (29.15)		
	2:20.35 (28.90)	2:49.40 (29.05)	3:18.54 (29.14)	3:47.84 (29.30)		
	4:16.96 (29.12)	4:46.13 (29.17)	5:15.64 (29.51)	5:44.91 (29.27)		
	6:14.05 (29.14)	6:43.41 (29.36)	7:12.16 (28.75)	7:39.50 (27.34)		
8	Vu Yen, Nhi	15	Hai Phong	8:10.00	8:26.03	
	r:+0.91 27.10	58.16 (31.06)	1:30.24 (32.08)	2:03.18 (32.94)		
	2:35.63 (32.45)	3:08.45 (32.82)	3:41.11 (32.66)	4:14.55 (33.44)		
	4:47.05 (32.50)	5:19.41 (32.36)	5:51.62 (32.21)	6:23.92 (32.30)		
	6:55.96 (32.04)	7:28.13 (32.17)	7:59.23 (31.10)	8:26.03 (26.80)		
---	Nguyen Thi, Phuong	18	Quang Ninh	NT	X7:50.11	
	27.20	56.01 (28.81)	1:25.20 (29.19)	1:54.74 (29.54)		
	2:24.70 (29.96)	2:54.58 (29.88)	3:24.55 (29.97)	3:54.75 (30.20)		
	4:24.28 (29.53)	4:53.86 (29.58)	5:23.47 (29.61)	5:52.96 (29.49)		
	6:22.59 (29.63)	6:52.19 (29.60)	7:21.26 (29.07)	7:50.11 (28.85)		
---	Linh Thi, Hoa	14	Quang Ninh	NT	X8:09.68	
	r:+0.90 26.69	55.00 (28.31)	1:25.32 (30.32)	1:55.53 (30.21)		
	2:25.97 (30.44)	2:57.14 (31.17)	3:28.42 (31.28)	3:59.88 (31.46)		
	4:30.44 (30.56)	5:00.93 (30.49)	5:31.76 (30.83)	6:03.05 (31.29)		
	6:35.34 (32.29)	7:07.10 (31.76)	7:37.48 (30.38)	8:09.68 (32.20)		
---	Hoang Ha, Binh Minh	13	Quang Ninh	NT	X8:16.91	
	r:+0.85 29.03	1:00.59 (31.56)	1:32.44 (31.85)	2:06.13 (33.69)		
	2:38.05 (31.92)	3:09.84 (31.79)	3:42.09 (32.25)	4:13.01 (30.92)		
	4:43.24 (30.23)	5:14.70 (31.46)	5:45.78 (31.08)	6:16.86 (31.08)		
	6:46.93 (30.07)	7:17.46 (30.53)	7:47.46 (30.00)	8:16.91 (29.45)		
---	Mac Le, Hieu Dan	13	Quang Ninh	NT	X8:40.96	
	r:+0.94 28.80	1:00.07 (31.27)	1:32.86 (32.79)	2:06.47 (33.61)		
	2:39.61 (33.14)	3:12.51 (32.90)	3:44.48 (31.97)	4:16.29 (31.81)		
	4:48.78 (32.49)	5:21.74 (32.96)	5:55.19 (33.45)	6:29.41 (34.22)		
	7:03.04 (33.63)	7:32.47 (29.43)	8:06.69 (34.22)	8:40.96 (34.27)		
---	Dang Thi, Quynh Nhu	14	Quang Ninh	NT	X8:44.85	
	33.51	1:07.16 (33.65)	1:39.50 (32.34)	2:11.45 (31.95)		
	2:43.90 (32.45)	3:16.73 (32.83)	3:49.73 (33.00)	4:22.44 (32.71)		
	4:55.50 (33.06)	5:28.59 (33.09)	6:01.83 (33.24)	6:34.75 (32.92)		
	7:07.67 (32.92)	7:40.14 (32.47)	8:12.74 (32.60)	8:44.85 (32.11)		

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025

Results

(Event 436 Women 800 LC Meter VHCV)

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
--- Pham Nguyen, Ly Ly	13	Da Nang	7:45.00	DQ	
Swam under water more than 15 meters after start or turn					
r:+0.95 26.17	54.68 (28.51)	1:23.04 (28.36)	1:52.42 (29.38)		
2:22.39 (29.97)	2:51.79 (29.40)	3:21.21 (29.42)	3:50.94 (29.73)		
4:20.18 (29.24)	4:49.55 (29.37)	5:19.30 (29.75)	5:48.70 (29.40)		
6:17.99 (29.29)	6:47.01 (29.02)	7:15.74 (28.73)	DQ (26.65)		

Event 437 Men 800 LC Meter VHCV

KLQG: 6:25.31 # 12/2017		Luu Nguyen Duc Tam		Tp Ho Chi Minh	
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Huynh Quoc, Bao	17	TP Ho Chi Minh	6:39.00	6:40.31	
r:+0.95 24.36	49.01 (24.65)	1:14.26 (25.25)	1:40.16 (25.90)		
2:05.31 (25.15)	2:30.93 (25.62)	2:56.32 (25.39)	3:21.63 (25.31)		
3:46.92 (25.29)	4:11.97 (25.05)	4:37.33 (25.36)	5:02.56 (25.23)		
5:27.65 (25.09)	5:52.53 (24.88)	6:17.19 (24.66)	6:40.31 (23.12)		
2 Nguyen Trong, Dung	22	Nghe An	6:35.00	6:43.71	
23.07	48.72 (25.65)	1:14.73 (26.01)	1:40.74 (26.01)		
2:06.42 (25.68)	2:32.09 (25.67)	2:58.01 (25.92)	3:24.18 (26.17)		
3:48.53 (24.35)	4:13.44 (24.91)	4:38.99 (25.55)	5:04.64 (25.65)		
5:29.21 (24.57)	5:54.16 (24.95)	6:19.67 (25.51)	6:43.71 (24.04)		
3 Ngo Quang, Hieu	17	Hai Phong	6:51.00	6:48.44	
r:+0.89 23.13	47.89 (24.76)	1:13.27 (25.38)	1:39.17 (25.90)		
2:05.31 (26.14)	2:31.84 (26.53)	2:57.39 (25.55)	3:23.63 (26.24)		
3:48.94 (25.31)	4:15.49 (26.55)	4:41.28 (25.79)	5:07.13 (25.85)		
5:33.42 (26.29)	5:59.08 (25.66)	6:24.76 (25.68)	6:48.44 (23.68)		
4 Vu Sinh, Hung	17	Da Nang	6:54.00	6:56.55	
24.04	49.63 (25.59)	1:15.34 (25.71)	1:41.37 (26.03)		
2:08.08 (26.71)	2:34.40 (26.32)	3:00.99 (26.59)	3:27.68 (26.69)		
3:54.15 (26.47)	4:21.01 (26.86)	4:47.52 (26.51)	5:13.56 (26.04)		
5:39.93 (26.37)	6:06.41 (26.48)	6:32.28 (25.87)	6:56.55 (24.27)		
5 Nguyen Van, Tai	17	Da Nang	7:05.00	6:58.32	
r:+0.92 24.02	50.23 (26.21)	1:15.30 (25.07)	1:41.50 (26.20)		
2:07.54 (26.04)	2:33.86 (26.32)	3:00.38 (26.52)	3:26.85 (26.47)		
3:53.24 (26.39)	4:19.85 (26.61)	4:46.41 (26.56)	5:13.24 (26.83)		
5:39.86 (26.62)	6:06.75 (26.89)	6:33.45 (26.70)	6:58.32 (24.87)		
6 Ho Quoc, Khanh	17	Nghe An	6:43.00	6:58.91	
r:+0.89 23.78	48.98 (25.20)	1:14.29 (25.31)	1:40.33 (26.04)		
2:06.98 (26.65)	2:33.56 (26.58)	3:00.25 (26.69)	3:26.93 (26.68)		
3:53.97 (27.04)	4:21.43 (27.46)	4:48.17 (26.74)	5:15.69 (27.52)		
5:42.27 (26.58)	6:09.37 (27.10)	6:34.58 (25.21)	6:58.91 (24.33)		
7 Nguyen Hai, Nam	17	Quang Ninh	7:00.00	7:11.39	
24.50	50.44 (25.94)	1:16.48 (26.04)	1:43.07 (26.59)		
2:09.85 (26.78)	2:36.76 (26.91)	3:04.05 (27.29)	3:31.70 (27.65)		
3:57.65 (25.95)	4:25.06 (27.41)	4:52.57 (27.51)	5:20.40 (27.83)		
5:48.70 (28.30)	6:16.68 (27.98)	6:44.36 (27.68)	7:11.39 (27.03)		
8 Nguyen Tung, Lam	14	Ha Noi	7:10.00	7:19.17	
r:+0.89 24.40	51.73 (27.33)	1:18.18 (26.45)	1:44.90 (26.72)		
2:12.11 (27.21)	2:39.86 (27.75)	3:07.74 (27.88)	3:37.22 (29.48)		
4:04.54 (27.32)	4:32.04 (27.50)	4:59.29 (27.25)	5:28.18 (28.89)		
5:57.07 (28.89)	6:25.82 (28.75)	6:53.91 (28.09)	7:19.17 (25.26)		
9 Pham Minh, Toan	15	Quan Doi	7:15.00	7:27.04	
25.01	52.32 (27.31)	1:19.12 (26.80)	1:46.86 (27.74)		
2:14.40 (27.54)	2:43.01 (28.61)	3:10.93 (27.92)	3:39.51 (28.58)		
4:07.62 (28.11)	4:36.39 (28.77)	5:04.75 (28.36)	5:34.10 (29.35)		
6:02.79 (28.69)	6:32.06 (29.27)	6:59.99 (27.93)	7:27.04 (27.05)		

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025

Results

(Event 437 Men 800 LC Meter VHCV)

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
10	Le Vu, Duy Chien	14	Ha Noi	7:20.00	7:29.29	
	r:+0.93 24.29	50.30 (26.01)	1:16.76 (26.46)	1:43.18 (26.42)		
	2:09.99 (26.81)	2:37.46 (27.47)	3:05.01 (27.55)	3:32.96 (27.95)		
	4:01.58 (28.62)	4:30.31 (28.73)	4:58.48 (28.17)	5:27.93 (29.45)		
	5:59.47 (31.54)	6:29.47 (30.00)	6:58.07 (28.60)	7:29.29 (31.22)		
11	Nguyen Xuan, Quyet	14	Hai Phong	7:20.00	8:07.95	
	r:+0.96 25.94	55.34 (29.40)	1:24.42 (29.08)	1:54.36 (29.94)		
	2:25.53 (31.17)	2:56.27 (30.74)	3:27.41 (31.14)	3:58.99 (31.58)		
	4:30.49 (31.50)	5:01.65 (31.16)	5:33.77 (32.12)	6:05.27 (31.50)		
	6:36.09 (30.82)	7:08.26 (32.17)	7:39.00 (30.74)	8:07.95 (28.95)		
---	Nguyen Thanh, Toan	14	Hai Phong	NT	X7:47.46	
	r:+0.88 25.47	53.13 (27.66)	1:21.18 (28.05)	1:50.51 (29.33)		
	2:19.90 (29.39)	2:49.87 (29.97)	3:20.40 (30.53)	3:50.71 (30.31)		
	4:20.62 (29.91)	4:51.49 (30.87)	5:21.64 (30.15)	5:52.58 (30.94)		
	6:22.21 (29.63)	6:51.64 (29.43)	7:20.25 (28.61)	7:47.46 (27.21)		
---	Mai Nguyen, Huu Loc	15	Hai Phong	NT	XDQ	
	r:+0.86 27.42	58.97 (31.55)				
---	Pham Gia, Khiem	20	Ninh Binh	NT	DQ	
	r:+0.93 20.82	44.81 (23.99)	1:10.30 (25.49)	1:35.81 (25.51)		
	2:01.47 (25.66)	2:35.51 (34.04)				
---	Kim Anh, Kiet	21	Quan Doi	6:45.00	DNF	
	Swimmer did not finish					
---	Luu Nguyen, Duc Tam	28	TP Ho Chi Minh	6:28.00	NS	

Event 438 Women 4x100 LC Meter VHCV Relay

KLQG: 2:43.56 # 5/2023				Doi Tuyen		
Team	Relay	Seed Time	Finals Time	Points		
1 Ha Noi	A	NT	2:46.13			
1) Tran Thi, Huyen Trang 25	2) r:0.27 Luu Ngoc, Minh Trang 153	r:0.17 Tran Phuong, Minh 24	4) r:0.25 Dang Thi, Vuong 19			
r:+0.85 19.70	41.48 (41.48)	1:00.79 (19.31)	1:23.77 (42.29)			
1:42.82 (19.05)	2:05.17 (41.40)	2:24.30 (19.13)	2:46.13 (40.96)			
2 Da Nang	A	NT	2:48.88			
1) Nguyen Nhat, Le Nguyen 20	2) r:0.34 Nguyen Hoai, Thuong 23 3)	r:0.47 Nguyen Thi, Hang 23	4) r:0.23 Nguyen Thi, Lan Vy 28			
r:+0.88 20.38	42.76 (42.76)	1:03.13 (20.37)	1:26.04 (43.28)			
1:44.98 (18.94)	2:06.75 (40.71)	2:26.93 (20.18)	2:48.88 (42.13)			
3 Thanh Hoa	A	NT	2:51.21			
1) Hoang Thi, Anh Thu 17	2) r:0.12 Le Ngoc, Nuong 24	3) r:0.31 Le Thi, Nhung 16	4) r:0.04 Pham Hoai, Anh 19			
r:+0.89 20.73	44.60 (44.60)	1:03.91 (19.31)	1:26.83 (42.23)			
1:47.00 (20.17)	2:08.63 (41.80)	2:27.71 (19.08)	2:51.21 (42.58)			
4 Quang Ninh	A	NT	2:53.03			
1) Trieu Thi, Uyen 15	2) r:0.33 Dang Thi, Tam 14	3) r:0.45 Nguyen Thi, Thuy Dung 14)	r:0.21 Nguyen Thi, Thanh Thi 14			
r:+0.85 20.12	43.48 (43.48)	1:03.06 (19.58)	1:25.84 (42.36)			
1:46.52 (20.68)	2:09.30 (43.46)	2:29.85 (20.55)	2:53.03 (43.73)			
5 Quang Tri	A	NT	3:29.42			
1) Phan Thi, Thuy Suong 17	2) r:0.48 Nguyen Thi, Hang Nga 13)	r:0.16 Tran Thi, Yen Trang 15	4) r:0.29 Hoang Thi, Kim Oanh 14			
r:+0.92 22.60	47.90 (47.90)	1:13.39 (25.49)	1:41.13 (53.23)			
2:06.41 (25.28)	2:33.77 (52.64)	2:59.87 (26.10)	3:29.42 (55.65)			

Event 439 Men 4x100 LC Meter VHCV Relay

KLQG: 2:23.33 # 12/2017				Doi Tuyen		
Team	Relay	Seed Time	Finals Time	Points		
1 TP Ho Chi Minh	A	NT	2:25.62			
1) Nguyen Tien, Dat 22	2) r:0.34 Do Dinh, Toan 28	3) r:0.41 Nguyen Khang, Dung 18 4)	r:0.07 Nguyen Thanh, Loc 30			
r:+0.95 17.33	36.55 (36.55)	53.69 (17.14)	1:12.31 (35.76)			
1:29.97 (17.66)	1:50.72 (38.41)	2:07.09 (16.37)	2:25.62 (34.90)			

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 11/10/2025 to 14/10/2025

Results

(Event 439 Men 4x100 LC Meter VHCV Relay)

Team		Relay		Seed Time	Finals Time	Points
2	Ha Noi	A		NT	2:29.18	
	1) Le Dang, Duc Viet 20	2) r:0.31 Dang Phu, Quoc 19	3) r:0.24 Van Tien, Huy 17	4) r:0.42 Nguyen Huy, Anh 18		
	r:+0.88 17.51	38.43 (38.43)	55.56 (17.13)	1:14.86 (36.43)		
	1:32.08 (17.22)	1:53.12 (38.26)	2:09.64 (16.52)	2:29.18 (36.06)		
3	Quan Doi	A		NT	2:30.74	
	1) Do Thanh, Thao 22	2) r:0.35 Truong Minh, Quan 21	3) r:0.06 Vo Vi, Tuong 17	4) r:0.10 Kim Anh, Kiet 21		
	r:+0.82 18.25	38.64 (38.64)	56.41 (17.77)	1:15.90 (37.26)		
	1:33.68 (17.78)	1:53.76 (37.86)	2:08.60 (14.84)	2:30.74 (36.98)		
4	Da Nang	A		NT	2:32.57	
	1) Nguyen Duy, Anh 22	2) r:0.33 Nguyen Van, Tai 17	3) r:0.17 Dang Nguyen, Long Nhat4	4) r:0.31 Vu Sinh, Hung 17		
	r:+0.89 17.52	37.54 (37.54)	55.58 (18.04)	1:16.94 (39.40)		
	1:34.67 (17.73)	1:54.60 (37.66)	2:12.28 (17.68)	2:32.57 (37.97)		